



SINCE 1989

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021





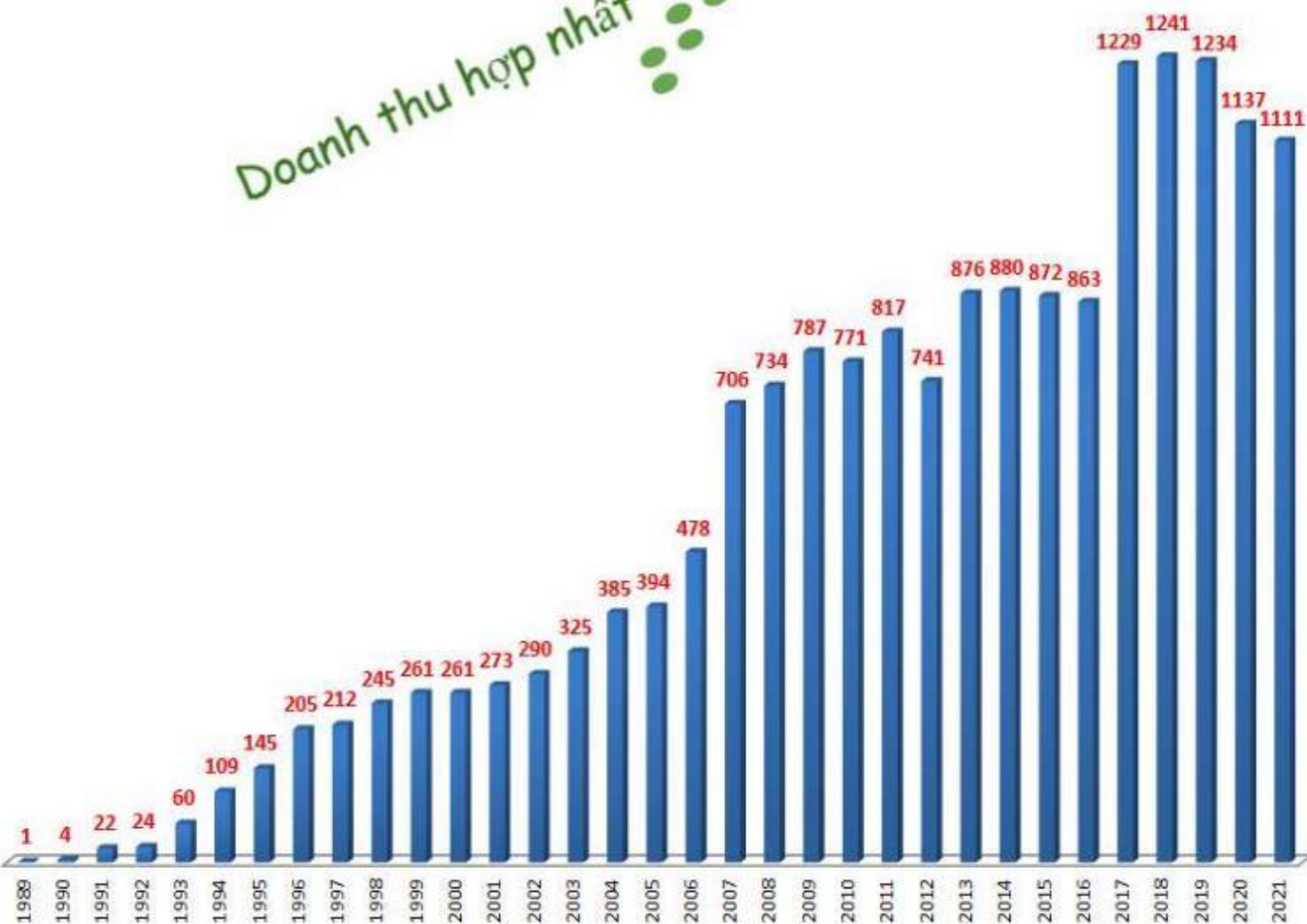
SPC - THƯƠNG



HIỆU VỮNG BỀN

SPC Xanh, Thêm Xanh

Doanh thu hợp nhất



NỘI DUNG



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát	07
Lịch sử hình thành và phát triển	09
Phạm vi và mạng lưới	17
Cơ cấu sản phẩm	25
Mục tiêu, chiến lược	29
Phân tích SWOT	31



TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu quản trị	37
Thành viên Hội đồng quản trị	41
Thành viên Ban kiểm soát	43
Ban Giám đốc, kế toán trưởng	45
Cơ cấu cổ đông	51
Tình hình tài chính	53



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	57
Báo cáo của Ban Điều Hành	65
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	77



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo Kiểm toán độc lập	93
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	94
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	96
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	97
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	99

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Khái quát; Ngành nghề; Quá trình
hình thành và phát triển; Mạng
lưới; Sản phẩm; Tầm nhìn, sứ
mạng; Mục tiêu, chiến lược



Xí nghiệp Sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300632232 do Sở KHĐT TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/05/2015

Vốn điều lệ: 105.300.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 105.300.000.000 đồng

Địa chỉ: KP.1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Số điện thoại: 028.38733666

Số fax: 028.38733391 - 028.38733033

Website: www.spchcmc.vn

Mã cổ phiếu : SPC



2021



Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, gia công, mua bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

Sản xuất, gia công, mua bán phân bón, giống cây trồng

Kinh doanh thuốc thú y

Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh)

Dịch vụ tư vấn về trồng trọt

Dịch vụ xông hơi khử trùng

Dịch vụ xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất

32 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Đơn vị thành viên trực thuộc
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn



1997

Chuyển thành Xí nghiệp
thuốc trừ sâu Sài Gòn;
bắt đầu hoạt động như
một đơn vị kinh tế hạch
toán độc lập

1993

1994



Trở thành Công ty Thuốc Trừ Sâu Saigon, tên
giao dịch tiếng Anh là Saigon Pesticide Company.
Biểu trưng SPC bắt đầu được sử dụng

1989



Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn trực
thuộc Chi cục Bảo Vệ Thực Vật
Tp.HCM chính thức được thành lập

Mở văn phòng chi nhánh
tại Campuchia



2005

2004



Đổi tên thành:
Công ty TNHH 1 Thành viên BVTV Sài Gòn

Đầu tư thành lập:
Xí nghiệp Thuốc Bảo vệ Thực vật Saigon
tại KCN Hiệp Phước



2007

2006



Đầu tư thành lập
Công ty Nông nghiệp Saigon-Pakse
tại Champasak, Lào

Đăng ký giao dịch
UPCOM
2010

2008



09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu.
14/6/2008 Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật
Saigon chính thức hoạt động theo mô hình mới

Thành lập
Chi nhánh Myanmar



2017

2011
Tăng vốn thành công
lên 105,3 tỉ đồng

2019

30
Kỷ niệm 30 năm
thành lập



Huân chương lao động
hạng nhất



Vietnam Value

2020

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 15/3/1989, ngày viên gạch đầu tiên đặt nền móng để xây dựng Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn - nay là Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - SPC.

Khi mới thành lập, Công ty chỉ sản xuất và phân phối 3 sản phẩm, với đội ngũ CB-NV là 30 người. Qua 31 năm hình thành và phát triển, đến nay Công ty đã có trên 500 cán bộ công nhân viên; quy mô hoạt động với 07 Chi nhánh trong nước, 3 Công ty con ở nước ngoài; nhà máy rộng 4,3 ha tại Hiệp Phước được trang bị máy móc thiết bị hiện đại, hệ thống quản lý môi trường đạt tiêu chuẩn ISO 14001; hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001 liên tục từ năm 1999 đến nay.



Khởi công xây dựng nhà máy

Công ty đã hợp tác nhiều đối tác kinh doanh uy tín trên thế giới như KVF, LG Chem (Hàn Quốc); Haifa (Israel); Nongfeng (Trung Quốc), Agria (Bungari)... Đến nay, bộ sản phẩm của Công ty đã có trên 100 chủng loại, hệ thống phân phối rộng khắp toàn quốc và một số nước lân cận; doanh thu của Công ty hiện đạt trên 1.000 tỷ đồng/năm, là một trong những công ty có thị phần về thuốc bảo vệ thực vật lớn nhất Việt Nam, đã góp phần tích cực cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp nước nhà.

Ba mươi một đi qua với biết bao thăng trầm và mỗi giai đoạn lịch sử, Công ty đều gặp những khó khăn, thách thức riêng, nhưng với sự góp sức của bao thế hệ cán bộ công nhân viên, Công ty đã vượt qua tất cả, đứng vững đến ngày hôm nay và khẳng định vị thế của mình.

Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2000: Thành lập Nhà máy và tách ra hoạt động độc lập.

Giai đoạn vừa thành lập, cơ sở vật chất còn đơn sơ, bộ máy tổ chức còn tối giản nhưng với lòng nhiệt huyết của toàn thể CB-CNV, sự định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo, sản phẩm của Công ty đã được thị trường đón nhận tích cực, thương hiệu SPC đã bắt đầu lan tỏa.

Ngày 18/02/1993, thực hiện Quyết định số 68/QĐ-UB của UBND TP.HCM, Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển thành DNNN Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn, trực thuộc UBND TP.HCM. Xí nghiệp bắt đầu hoạt động hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và tách khỏi Chi cục Bảo vệ Thực vật TP.HCM. Đây là bước chuyển biến mạnh mẽ của Nhà máy để thực hiện tự lập về mọi mặt.



Trụ sở Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn

Mặc dù mới "ra ở riêng" nhưng Nhà máy đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình về sự nghiệp phát triển trong tương lai. Ngày 22/04/1994, theo quyết định số 1177/QĐ-UB-NC của UBND TP.HCM, Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn chính thức trở thành Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Thời gian này, Công ty đã thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội. Việc ra đời chi nhánh, bước đầu đã thể hiện sự lớn mạnh của Công ty.

Và năm 1997, thực hiện việc sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn. Công ty tiếp tục phải thực hiện các thủ tục thay đổi và áp dụng cơ chế làm việc mới. Tuy nhiên, các hoạt động của Công ty vẫn phát triển không ngừng.



Lực lượng công nhân Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn những ngày đầu

Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010: Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa.

Thực hiện chủ trương chung của Nhà nước, ngày 09/2/2004, theo quyết định số 482/QĐ-UB của UBND TP.HCM, DNNN Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển đổi thành Công ty TNHH 1 TV Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Tiếp theo, ngày 30/06/2004, theo quyết định số 3131/QĐ-UB của UBND TP.HCM. Công ty TNHH 1 TV Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã đổi tên thành Công ty TNHH 1 Thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn để phù hợp với hoạt động của Công ty.

Và ngày 27/12/2007, theo Quyết định số 5698/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Ngày 09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được tổ chức, đã thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và phương án hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn chính thức hoạt động theo mô hình mới kể từ ngày 14/6/2008.

Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất của Công ty về quy mô hoạt động và mạng lưới kinh doanh. Ngoài việc thành lập 2 công ty con tại Lào và Campuchia, 15 chi nhánh tại khắp các vùng nông nghiệp trên cả nước lần lượt ra đời; Và theo quy hoạch của Thành phố Công ty đã thực hiện di dời và đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc trên khuôn viên rộng 4,3 héc ta tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM, và từ đó bộ phận sản xuất chính thức mang tên Xí nghiệp Bảo vệ thực vật Sài Gòn.



Trụ sở Xí nghiệp Bảo vệ Thực Vật Sài Gòn

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay: Vững bước tiến lên

Sau cổ phần hóa năm 2008, mặc dù nền tảng Công ty đã khá ổn định, thương hiệu của Công ty đã được thị trường đón nhận, song hoạt động của Công ty gặp không ít khó khăn. Giai đoạn này, Công ty vừa phải tự điều chỉnh các hoạt động, nguồn vốn để thích nghi với cơ chế mới, Công ty phải đối đầu với các thử thách trên thị trường như cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 dẫn đến suy thoái nền kinh tế, đặc biệt là khu vực Châu Á đã kéo dài nhiều năm làm tỉ giá biến động thất thường; giá cả nguyên liệu nhập khẩu leo thang....

Để vượt qua khó khăn chung của ngành thuốc bảo vệ thực vật, Công ty đã thực hiện chiến lược đầu tư sang lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu ngành hàng sang kinh doanh hạt giống bắp. Tuy nhiên, "mưa không thuận" và "gió không hòa", hầu hết các chiến lược này của Công ty bị thất bại. Đồng thời, giai đoạn này tình hình nhân sự của Công ty bị khủng hoảng trầm trọng. Công ty tưởng như bị "lung lay" bởi khó khăn chống chọi khó khăn. Tuy nhiên, toàn thể CBCNV Công ty đã đoàn kết một lòng để vượt qua, quyết tâm giữ vững mọi hoạt động, kịp thời xử lý các tồn tại và tập trung sâu hơn vào lĩnh vực kinh doanh chính là thuốc bảo vệ thực vật; Đến năm 2010, doanh thu của Công ty đã đạt mức 700 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 25 tỷ đồng.

Năm 2014, Công ty tiếp tục thành lập 1 văn phòng đại diện và 3 chi nhánh trong nước; và qua thời gian thăm dò thị trường đến năm 2017 Công ty chính thức thành lập Chi nhánh tại Liên bang Myanmar.

Năm 2016, Cục Bảo vệ Thực vật thông báo loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty đã mở ngành hàng kinh doanh phân bón, nông sản, nước uống đóng chai, tăng cường đầu tư vốn vào Công ty liên kết; đến tháng 1/2018 Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa chính thức trở thành công ty con của Công ty, và từ tháng 12/2108 Công Ty đã được Chi cục Bảo vệ Trồng Trọt Tp.HCM cho phép đủ điều kiện được tổ chức sản xuất phân bón vô cơ tại Xí nghiệp Hiệp Phước.

Qua 32 năm Công ty đã không ngừng lớn mạnh mở rộng và phát triển mọi mặt, sản phẩm của Công ty đã có mặt khắp các thị trường trong nước và thị trường nước ngoài như Campuchia, Lào, Myanma.... Và tương lai không xa các sản phẩm của Công ty sẽ vươn tới thị trường các nước trong và ngoài khu vực Đông Nam Á. Có được kết quả như ngày hôm nay, Công ty ghi nhận và luôn biết ơn công sức của các thể hệ cán bộ, công nhân viên người lao động đã gắn bó cả tuổi thanh xuân, cống hiến hết mình và cả đời mình cho sự nghiệp 32 năm vững bước tiến lên của Công ty.



SINCE 1989

Chất lượng tạo nên
Thương hiệu vững bền !









HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO

ĐO LƯỜNG TIÊU CHUẨN
KHÁCH CHỌN

PHẠM VI VÀ MẠNG LƯỚI





CHI NHÁNH HÀ NỘI

BB2-27 Khu Đô Thị Mới Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: (024) 3 2009401



VĂN PHÒNG SƠN LA

Khu Đô thị Cơ Khí, Tổ 05, Phường Chuyên Sinh, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La. Điện thoại: (0212) 3 789897



CHI NHÁNH NGHỆ AN

Tầng 2 tòa nhà Mai Linh, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Xã Nghi Phú, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An. Điện thoại: (0238) 3 594856



Vùng bước tiến lên



CHI NHÁNH ĐỒNG NAI
Số 4738, Quốc Lộ 1A, Ấp Nông Doanh, Xã Xuân Định, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 3 715648



CHI NHÁNH ĐẮK LẮK
Số 12A, Đường Mai Xuân Thưởng, P. Thành Nhất, TP. Buôn Mê Thuộc, Tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại: (0262) 3 958101



CHI NHÁNH VĨNH LONG
Số 29B/02 Ấp Long Hưng, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long. Điện thoại: (0270) 3 878871



CHI NHÁNH CẦN THƠ
Lô 30A 5 - Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3 835074

Vùng bước tiến lên

CHI NHÁNH TRẠM DỊCH VỤ
Số 22E Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại: (028) 6 2943348



CÔNG TY CỔ PHẦN BVTV SÀI GÒN TẠI CAMPUCHIA
225GB, St.Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.
Điện thoại: (+855) 23 427 224 - Fax: (+855) 23 427 224



Cán bộ SPC Cambodia



Lễ ra mắt sản phẩm mới



Vững bước tiến lên

CÔNG TY TNHH BVTV SÀI GÒN TẠI LÀO
Km 21, Street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District,
ChamPaSak Province, Lao P. D.R



Lãnh đạo Tỉnh Champasak và Huyện Bachieng
tham quan khu trưng bày giới thiệu sản phẩm tại Trung tâm
Thương mại sản xuất Nông nghiệp Bachieng – SPC Lào



Vững bước tiến lên



CHI NHÁNH CÔNG TY BVTV SÀI GÒN TẠI MYANMAR
No H101, FMI city, Hlaing Thar Yar township, Yangon, Myanmar



Chủ tịch HĐQT Phát biểu khai mạc tại Lễ ra mắt Chi nhánh Myanmar

XÍ NGHIỆP BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
Lô C1-C3 KCN. Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
Điện thoại: (028) 3 8734089 - Fax: (028) 3 8734090



CB-CNV Xí Nghiệp BVTV Sài Gòn

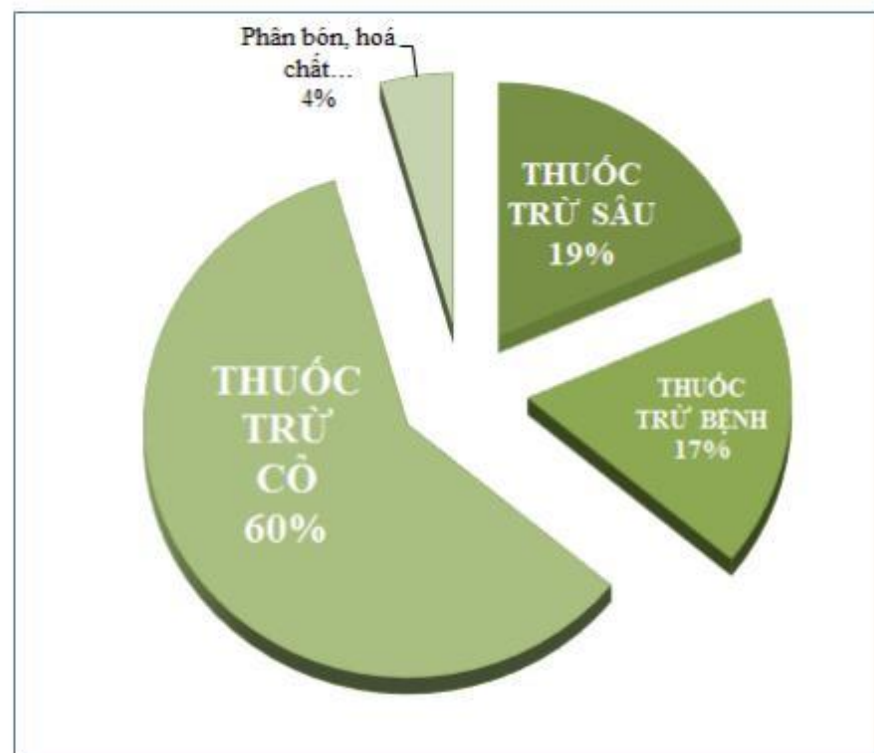


Vững bước tiến lên



Vững bước tiến lên

CƠ CẤU SẢN PHẨM CỐT LÕI NĂM 2021



Thuốc trừ bệnh:

Là nhóm sản phẩm phụ thuộc vào tình hình thời tiết nhất, theo đó doanh số cũng chuyển biến theo tình hình dịch bệnh trong năm. Trong năm 2021, doanh số nhóm thuốc trừ bệnh chỉ chiếm khoảng 17%.



Thuốc trừ cỏ: do thị trường thuốc trừ cỏ tương đối ổn định, ít phụ thuộc vào yếu tố thời tiết nên cũng như một số công ty khác trong ngành thì nhóm thuốc trừ cỏ của SPC chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm của Công ty với 60%.



Thuốc trừ sâu: nhóm sản phẩm thuốc trừ sâu phụ thuộc khá nhiều vào tình hình thời tiết, doanh số nhóm thuốc trừ sâu chiếm khoảng 19%.



VĂN HÓA CÔNG TY



TÂM NHÌN

Trở thành Công ty dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu - Nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới.

SỨ MẠNG

Cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Thành tựu

Sự thỏa mãn khách hàng, người lao động, cộng đồng, và các cổ đông là cơ sở của việc đánh giá những thành tựu của chúng tôi.

Chúng tôi luôn biết trân trọng những thành tựu của mình và niềm vinh dự, tự hào của chúng tôi đến từ những thành tựu của chúng tôi. Thông qua những thành tựu, chúng tôi được nhận biết, được tôn trọng bởi các đối tác, bởi cộng đồng, và các cổ đông.

Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.

Đồng đội

Làm việc đồng đội là cách thức để chúng tôi thỏa mãn tốt các nhu cầu và mong đợi của khách hàng của chúng tôi.

Chúng tôi làm việc đồng đội trong từng đơn vị, giữa các đơn vị, với các đối tác bên ngoài, và với khách hàng của chúng tôi để thực hiện với chất lượng cao nhất những cam kết của chúng tôi.

Không có người chiến thắng trong đội thất bại, và cũng sẽ không có người thất bại trong đội thành công.

Chúng tôi là một gia đình lớn trong đó các thành viên tin cậy, tôn trọng, và chăm sóc lẫn nhau.

Chúng tôi nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng, và những đam mê về một nền nông nghiệp xanh và bền vững, và những giá trị gia tăng ngày càng cao cho những khách hàng của chúng tôi.

Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Mỗi người chúng tôi thường xuyên học tập và phát triển để hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và những đam mê của chúng tôi.

Thông qua học tập, nghiên cứu, và phát triển, chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Chuyên nghiệp

Chuyên nghiệp thể hiện ở chất lượng công việc cao. Tính chuyên nghiệp đòi hỏi trách nhiệm cá nhân, sự dấn thân, và những phương pháp làm việc hiệu quả.

Chúng tôi luôn tận tâm cao với công việc và với đồng sự với một ý chí vượt qua mọi thách thức. Hành động của mỗi người chúng tôi luôn thể hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp cao.

Chúng tôi chịu trách nhiệm với những kết quả làm việc của mình. Chúng tôi luôn kiên trì và làm việc hết mình để thực hiện tốt những cam kết nhằm thỏa mãn những nhu cầu và mong muốn của khách hàng.

Chúng tôi mở rộng tự chủ để đảm bảo sử dụng các nguồn lực với hiệu suất cao nhất cho việc thực hiện tốt các công việc và những cam kết với khách hàng. Các thành viên trong toàn công ty được trao quyền để tự do làm những điều đúng.

Đổi mới

Liên tục hoàn thiện, phát triển, và đổi mới là cách thức để chúng tôi hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và đam mê của mình. Chúng tôi luôn cố gắng học tập, nghiên cứu, và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC

1. Tạo sự gắn bó, trung thành của khách hàng

- Duy trì và thâm thấu sâu vào thị trường hiện tại: tạo ra sự thỏa mãn và sự trung thành của khách hàng với Công ty
- Sử dụng danh tiếng và sức mạnh của hệ thống hiện tại mở rộng sang những thị trường mới
- Phát triển các chiến lược phát triển Thị trường-Sản phẩm phù hợp với từng thị trường trong từng giai đoạn

2. Phản ứng nhanh với thông tin và thị trường

- Phát triển hệ thống hoạch định, dự báo và thông tin thị trường, cạnh tranh: về sản xuất, sản phẩm, nguyên vật liệu, và khách hàng
- Theo dõi chặt chẽ những biến động của môi trường kinh doanh

3. Nâng cao năng lực sản xuất và kinh doanh

- Đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất
- Phát triển ứng dụng các sản phẩm của công ty trên cơ sở khai thác những khả năng quan hệ hợp tác với các đối tác để chuyên giao công nghệ
- Phát huy tối đa hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực cho các nhu cầu phát triển
- Xây dựng và phát triển các liên minh chiến lược cho sự phát triển bền vững và cùng có lợi

4. Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý

- Phát huy tính năng động sáng tạo của toàn thể hệ thống
- Xây dựng cơ chế hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị và các cá nhân
- Xây dựng hệ thống mở, huy động tốt nguồn lực trong công ty và xã hội
- Tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực sẵn có của công ty và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn trong xã hội cho sự phát triển của công ty
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

ĐỐI TÁC CỦA SPC



PHÂN TÍCH SWOT



TỔ CHỨC
VÀ NHÂN
SỰ
CƠ ĐÔNG



LÃNH ĐẠO CÔNG TY GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY

- 1) Ông: Nguyễn Văn Nữa
Quyển Giám đốc nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn - Giai đoạn 1989 - 1992
- 2) Bà: Lê Thị Bích Liễu
Giám đốc Xí nghiệp thuốc trừ sâu Sài Gòn - Giai đoạn 1992 - 1999
- 3) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng
Giám đốc Công ty thuốc trừ sâu Sài Gòn - Giai đoạn 1999 - 2010
- 4) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh
Giám đốc Công ty TNHH 1 TV BVTV Sài Gòn - Giai đoạn 2010 - 2015
- 5) Ông: Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc Công ty cổ phần BVTV Sài Gòn - Giai đoạn 2015 đến nay

PHÓ GIÁM ĐỐC GIAI ĐOẠN 1992 ĐẾN NAY

- 1) Ông: Nguyễn Văn Nữa
PGĐ phụ trách sản xuất - Giai đoạn 1992 - 1998
- 2) Ông: Bùi Văn Thống
PGĐ phụ trách sản xuất - Giai đoạn 1998 - 2007
- 3) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng
Phó giám đốc - Giai đoạn 2008 - 2011
- 4) Ông: Nguyễn Xuân Tiến
PGĐ phụ trách đầu tư - Giai đoạn 2000 - 2015
- 5) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh
PGĐ thường trực, phụ trách tài chính - Giai đoạn 2008 - 2010

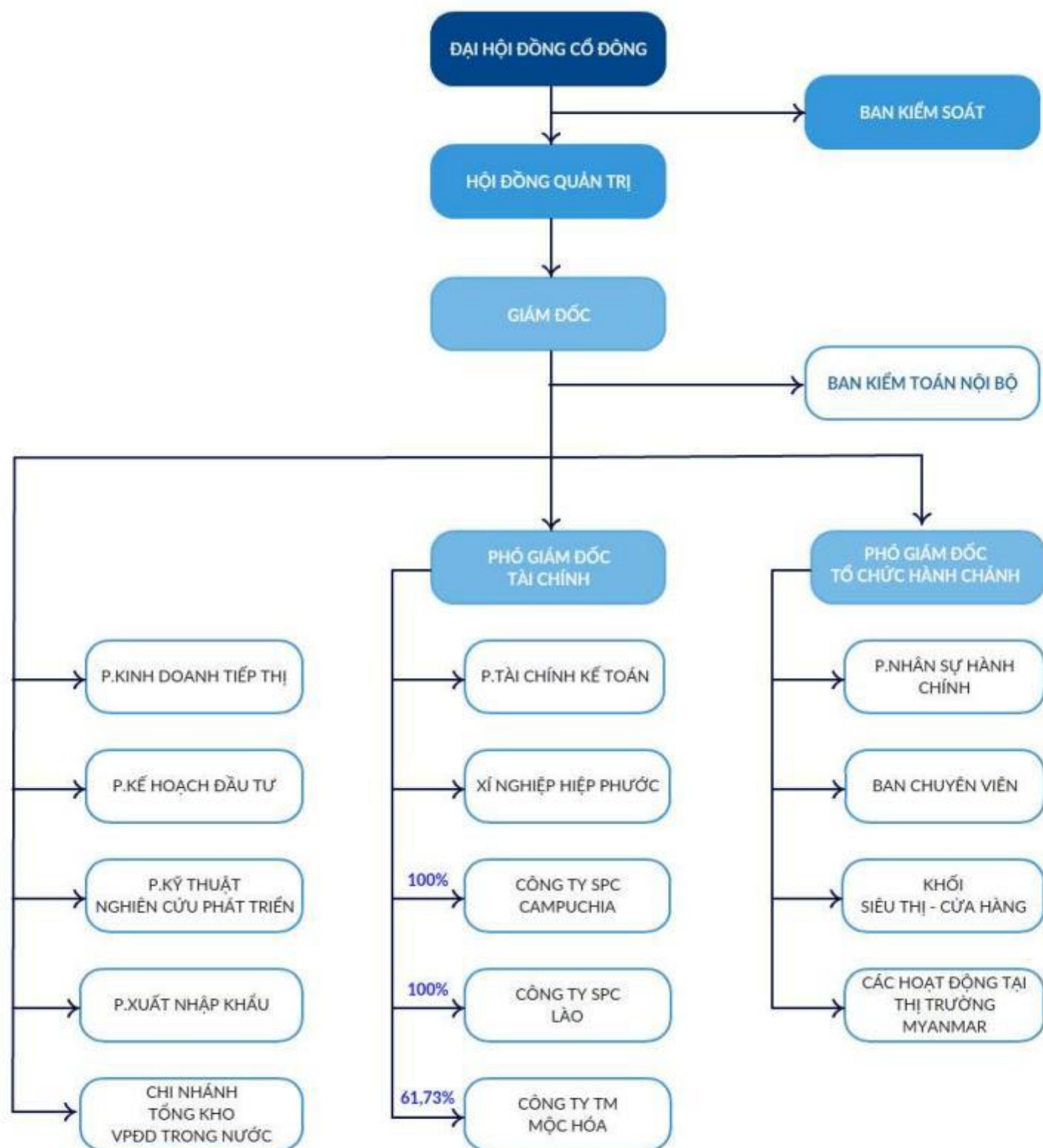
PHÓ GIÁM ĐỐC GIAI ĐOẠN 1992 ĐẾN NAY

- 6) Ông: Yeo Joo Hua
PGĐ kinh doanh nước ngoài - Giai đoạn 2004 - 2011
- 7) Ông: Nguyễn Quốc Dũng
PGĐ kinh doanh trong nước - Giai đoạn 2009 - 2015
- 8) Ông: Hà Quốc Cường
PGĐ phụ trách khối sản xuất và nông trại - Giai đoạn 2012 - 2015
- 9) Bà: Nguyễn Ngọc Bích
Phó giám đốc - Giai đoạn 2013 đến nay
- 10) Ông: Điều Quang Trung
Phó giám đốc - Giai đoạn 2015 đến nay

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ GIAI ĐOẠN 2008 ĐẾN NAY

- 1) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng - CT HĐQT -
Giai đoạn 2008 - 2011
- 2) Bà: Phó Nam Phương - CT HĐQT - Giai đoạn 2011 - 2012
- 3) Ông: Dương Minh Quang - CT HĐQT - Giai đoạn 2012 - 2015
- 4) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh - CT HĐQT - Giai đoạn 2015 - 2016
- 5) Bà: Lê Thị Phương - CT HĐQT - Giai đoạn 2017 đến nay

CƠ CẤU QUẢN TRỊ



Công ty con, liên kết	Địa chỉ	HDKD chính	VDL thực góp
Công ty TNHH BVTV Sài Gòn - Lào	Km 8 street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District, ChamPaSak Province, Lao PRD	Kinh doanh ngành nông nghiệp	19.332.237.752 đ
CTCP BVTV Sài Gòn - Cambodia	225GB, St.Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	1.895.355.000 đ
CTCP Thương mại Mộc Hóa	96 Trần Hưng Đạo, KP1, P1, thị xã Kiến Tường, Long An	Kinh doanh ngành nông nghiệp	9.856.800.000 đ



Văn phòng SPC
 KP1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TP.HCM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ LÊ THỊ PHƯỢNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cao cấp chính trị.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 1988-1989: Kế toán XNQD Nhựa Cao su Việt Hưng
- 1/1990-6/1990: Kế toán HTX May Hoàng Thịnh
- 8/1990-3/1994: Kế toán tổng hợp Cty Sài Gòn Lao động
- 4/1995-3/1999: NV văn thư vi tính văn phòng cơ quan LĐLĐ.TP
- 1/1995-3/1999: Kế toán tổng hợp Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 3/1999-9/2004: Kế toán trưởng Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 9/2004-10/2010: Phó ban tài chính – kiêm kế toán trưởng LĐLĐ.TP
- 11/2010-10/2014: UV Ban thường vụ -Trưởng Ban Tài chính LĐLĐ.TP
- 11/2014-01/2017: Phụ trách chung Kiểm soát viên Sagri
- Từ 08/02/2017: Thành viên HĐQT SPC
- Chủ tịch HĐQT SPC từ 20/02/2017

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật – Luật sư thuộc đoàn Luật sư TP.HCM, Cao cấp Lý luận chính trị.

Học hàm: Phó Giáo sư

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2003: Phó, quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003-2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004- 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005- 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn
- 2007-6/2008: Phó P.KHKD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 6/2008-10/2008: Phó P. KHKD SPC.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009-04/2015: PGĐ KD SPC.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG PHẠM THIẾT HÒA
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC, Tổng Giám đốc TCT Nông Nghiệp Sài Gòn

Quá trình công tác:

- 12/2008 – 11/2013: Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Nông nghiệp.
- 11/2013 – 11/2015: Giám đốc Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh.
- 11/2015 – 12/2019: Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại – Đầu tư TP.HCM.
- 12/2019- nay: Phó Bí thư Đảng ủy, TV HĐQT không chuyên trách, Tổng Giám đốc TCT Nông Nghiệp Sài Gòn.
- Từ 22/5/2020: Thành viên Hội đồng quản trị SPC

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐẶNG THANH CƯỜNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp, Cao cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Từ năm 1979 đến 1985 : CV Trung tâm BVTV phía nam Tiền Giang.
- 1985 – 2015: công tác tại Công ty cổ phần Nông dược H.A.I.
- Từ 26/04/2013: thành viên HĐQT CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG HUỖNH ĐỨC
THÀNH VIÊN HĐQT

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 149.035

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 1980 - 1985: Phụ trách sản xuất tại Cơ Sở Nam Kỳ.
- 1985 – 1989: Phó chủ nhiệm HTX Thủy Tinh Phú Hoà.
- 1989 – 2001: Chủ cơ sở Nam Phát.
- 2001 đến nay: Chủ tịch HĐQT, TGD Công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát.
- Từ 22/5/2020: Thành viên HĐQT SPC.

Quốc tịch: Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG TRẦN ĐÌNH VŨ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn : Kế toán doanh nghiệp, chứng chỉ kế toán trưởng

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 100

Chức vụ đảm nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác :

- 07/2007-03/2009: Kế toán kho Công ty TNHH Khang Cát
- 04/2009: Kế toán CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 05/2009-08/2014: Kế toán trưởng SPC Lào
- 09/2014-12/2014: Kế toán công nợ SPC
- 01/2015-01/2016: Phụ trách kế toán Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- Thành viên Ban kiểm soát SPC từ ngày 09/11/2015
- Từ 27/01/2016: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ ĐỖ THỊ KIM ANH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 9/2005 – 12/2006 Kế toán Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Phú Quý
- 01/2007 – 6/2009: Kế toán trưởng Công ty TNHH Sản xuất Xây Phú Quý
- 7/2009 – 8/2013 Kế toán tổng hợp, Ủy viên ban chấp hành công đoàn, Trung tâm giống cây trồng vật nuôi Thủy sản.
- 9/2013 – 8/2017: Phó trưởng phòng kế toán, Trung tâm giống cây trồng vật nuôi Thủy sản.
- 9/2017 – 01/2020: Nhân viên Trung tâm xúc tiến Thương mại và đầu tư TP.HCM.
- 02/2020 đến nay: Nhân viên phòng KHTC TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- Từ 22/5/2020: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ MAI THỊ LỆ KHUYÊN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.600

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1986-1989 : NV Kế toán Thống kê Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An
- 1989-1991 : NV Kế toán Công ty Thủy sản KV3
- 1992-1995 : NV hành chính Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 1996-9/2004 : NV Thủ kho, Thủ quỹ, Kế toán Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 10/2004 – 2008 : NV Tổng hợp – Tài chính, Phòng Quảng bá, Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 2008 – 2009 : Nhân viên Tổng hợp – Tài chính Phòng Marketing SPC
- Từ Tháng 10/2009 đến Tháng 7/2012: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ SPC
- Từ Tháng 4/2010 đến Tháng 4/2015: Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa
- Từ Tháng 6/2008 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam

BAN GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Luật – Luật sư thuộc đoàn Luật sư
TP.HCM, Cao cấp Lý luận chính trị

Học hàm: Phó Giáo sư

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: TV HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xi nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2002: Phó Trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2002 - 2003: Quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003 - 2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004 - 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005 - 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
- 2007 - 06/2008: Phó Phòng KH- KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 06/2008 – 10/2008: Phó Phòng KH - KD CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH- KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009 – 04/2015: Phó Giám đốc KD trong nước CTCP BVTV Sài Gòn.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT , Giám đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐIỀU QUANG TRUNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.610

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 2000 – 2003 Kế toán Tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp.
- 2003 – 2004 Phó phòng Tư vấn & Triển Khai Công ty Diginet.
- 2004 – 2007 Kế toán Tổng hợp Công ty SPC.
- 2007 – 2008 Phó phòng Kế toán Công ty SPC.
- 2008 – 2009 Trưởng bộ phận Kế toán Công ty SPC.
- 2009 – 2011 Phụ trách phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- 2011 - 04/2015 Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- Từ 04/2015: Phó Giám đốc Công ty SPC.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN NGỌC BÍCH
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế QTKD

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC, phụ trách NSHC

Quá trình công tác:

- 1987 – 1994: Nhân viên LĐTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 1994 – 2008: Phó Phòng TCLĐTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 2009 – 2011: Trưởng Phòng TCLĐTL, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 2011 – 12/2013: Trưởng Phòng Kinh Doanh Dịch Vụ, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 12/2013 đến nay: Phó Giám Đốc Công ty Cổ Phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn phụ trách Nhân sự hành chính.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ BÙI THỊ ÁNH TUYẾT
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Kế toán trưởng SPC

Quá trình công tác:

- 01/2000-06/2001: thư ký P.Kinh doanh công ty TNHH Khai Nguyên
- 07/2001-10/2001: NV tổng hợp sản xuất CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2001-07/2004: NV kế toán phải thu CTCP BVTV Sài Gòn
- 08/2004-06/2007: NV kế toán thanh toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 07/2007-06/2009: Kế toán trưởng Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- 07/2009-10/2011: Trưởng bộ phận kế toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2011-05/2015: Phó phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn
- Từ 06/2015: Trưởng phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: thời gian làm việc 07 giờ 30 phút /ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chính sách đào tạo

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó, CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

Chính sách tiền lương, thưởng

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được công ty sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

NHÂN SỰ

Đến ngày 31/12/2021, tổng số lao động của công ty là 468 người với cơ cấu lao động như sau:

Yếu tố	
Số lượng nhân viên, công nhân	468 người
Theo trình độ chuyên môn	
Tiến sỹ	03 người
Cao học, Thạc sĩ	16 người
Đại học, Cao đẳng	228 người
Trung học chuyên nghiệp	19 người
Lao động phổ thông + LĐ có tay nghề	202 người



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



01 Nguyên liệu, năng lượng

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:
+ Thuốc BVTV và phân bón: 14.087 tấn/năm
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
+ Điện sử dụng: 748.202 KWh/năm

02 Nguồn nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng sử dụng nước:
+ Nguồn cung cấp: KCN Hiệp Phước
+ Lượng sử dụng nước trung bình 13.194 m3/năm
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có



HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Hoạt động thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới, mang tính chất quan trọng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành nhằm hướng các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất thân thiện với môi trường.

Là một trong những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam, SPC luôn cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty.

“Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.”



01 Mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.



02 Kỷ niệm 30 năm thành lập.



03 Giải đặc biệt quay số may mắn.



04 Sơ kết kinh doanh quý.



05 Hội chợ Nghệ An.



06 Tập huấn Bắc sĩ cây trồng.



07 Diễn tập PCCC.



08 Mừng sinh nhật SPC.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chi tiết cơ cấu cổ đông tính tới ngày 16/3/2022

Danh mục	TRONG NƯỚC		NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1. Cổ đông Nhà nước	6.247.020	59,33%	0	0%	6.247.020	59,33%
2. Cổ đông khác	3.329.250	31,62%	953.730	9.06%	4.282.980	40,67%
- Cá nhân	3.134.310	29,77%	953.730	9.06%	4.088.040	38,82%
- Tổ chức	194.940	1,85%	0	0%	194.940	1,85%
Tổng	9.576.270	90,94%	953.730	9.06%	10.530.000	100%

CỔ ĐÔNG LỚN SPC



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

1.111

DOANH THU

Năm 2021, doanh thu thuần đạt 1.111 tỉ đồng, hoàn thành 90% kế hoạch

34,9

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Thực hiện 34,99 tỉ đồng, đạt 82% so với kế hoạch

17%

CỔ TỨC

Cổ tức bằng tiền dự kiến năm 2021 là 17%



Chính sách cổ tức

Chúng tôi quyết định sẽ giành gần 50% lợi nhuận sau thuế năm 2021 (trình tại ĐHĐCĐ thường niên 2022) để chi cổ tức, chia sẻ lợi ích nhiều hơn cho cổ đông.

TỈ SỐ TÀI CHÍNH



		2017	2018	2019	2020	2021
KHẢ NĂNG THANH TOÁN						
Thanh toán hiện thời	Tính thanh khoản, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	1.27	1.33	1.50	1.48	1.55
Thanh toán nhanh	Khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và thu tiền bán hàng	0.45	0.49	0.54	0.60	0.49
Thanh toán lãi vay	Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh để trả lãi vay ngân hàng	14.25	7.00	7.46	6.96	5.35
CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN						
Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	Giá trị nợ ngắn hạn và dài hạn trong tổng nguồn vốn	74%	70%	62%	63%	60%
Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	Tỉ trọng nợ ngắn hạn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại SPC	73%	68%	60%	61%	58%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Đòn bẩy kinh doanh	2.90	2.34	1.65	1.70	1.53
Vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	Tỉ trọng vay nợ ngân hàng so với vốn chủ sở hữu	35%	77%	58%	65%	78%
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG						
Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	1 đồng giá trị tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu	1.76	1.63	1.85	1.82	1.79
Vòng quay hàng tồn kho	Hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho trong năm	3.0	2.4	2.6	2.6	2.6
Vòng quay phải thu thuần kinh doanh	Công tác thu tiền bán hàng, tín dụng ưu đãi cho các đại lý	5.4	6.4	7.3	7.3	7.9
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI						
Tỉ suất lợi nhuận gộp	Mức độ sinh lời và kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm	19.5%	17.8%	21.1%	22.3%	20.4%
Tỉ suất lợi nhuận ròng	100 đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận	3.1%	3.2%	3.2%	3.3%	2.2%
ROE	Mức độ sinh lời so với vốn góp ban đầu của chủ sở hữu	36.5%	37.2%	37.6%	35.1%	22.8%
EPS	Thu nhập mỗi cổ phần, giá trị mang lại cho các cổ đông	3,649	3,785	3,676	2,458	2,201





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Năm 2021 vừa qua, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên thế giới diễn ra hết sức khốc liệt. Đặc biệt là trong nước dịch bệnh Covid19 bùng phát nhanh chóng và hết sức nguy hiểm, có nhiều ca mắc, đã làm hạn chế giao thương và làm trì trệ hoạt động sản xuất kinh doanh không chỉ trong nước mà còn cả hoạt động xuất – nhập khẩu, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Tuy nhiên Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm là phải đảm bảo an toàn cho cán bộ nhân viên và người lao động, nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất ổn định, đáp ứng nhu cầu hàng hóa kịp thời cho thị trường trong tình hình khó khăn hiện nay.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cũng đã có những quyết sách, chủ trương thay đổi kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, cùng sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ nhân viên Công ty, năm 2021 Công ty đã hoàn thành khá tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, chi tiết như sau: *Tổng doanh thu hợp nhất: thực hiện 1.111 tỷ, đạt 90,1% so với kế hoạch và đạt 97,6% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế: thực hiện 34,9 tỷ, đạt 82,1% so với kế hoạch và đạt 71,5% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Đơn vị tính: VND
			Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	1.233.500.000.000	1.111.476.213.033	90,11%
Lợi nhuận trước thuế	42.600.000.000	34.991.138.443	82,14%
Lợi nhuận sau thuế	33.880.000.000	23.980.929.637	70,78%
EPS	3,217	2,201	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021

1.2 Các hoạt động của HĐQT trong năm 2021



Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, năm 2021 vừa qua, HĐQT đã làm tốt các công việc trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, công khai và minh bạch. Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động điều hành, đảm bảo sự cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, đối tác, cộng đồng và quyền lợi của người lao động; đồng thời củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Ngoài ra, HĐQT cũng đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động của Công ty.

Việc công bố thông tin của HĐQT được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2021, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nhưng HĐQT vẫn duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo qui định (họp online và trực tiếp) và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp được tổ chức theo đúng qui định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty, theo đó HĐQT đã thông qua một số nội dung chính như sau:

- Triển khai và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng qui định.
- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý, đánh giá hiệu quả điều hành của Ban giám đốc, hoạt động Ban kiểm soát, những tồn tại chưa giải quyết được.
- Xem xét và thông qua các tờ trình, đề xuất của Ban điều hành nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị được thuận lợi, hiệu quả.
- Cùng Ban điều hành giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

1.3 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua với tổng thù lao là 240.000.000 đồng (không bao gồm lương chuyên trách). Chi tiết cho từng thành viên HĐQT như sau:

- Chủ tịch hội đồng quản trị: hưởng lương chuyên trách. (36 triệu đồng/tháng, căn cứ theo hiệu quả hoạt động kinh doanh hàng tháng).
- Thành viên hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.



1.4 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ tháng, hoặc họp bất thường trong trường hợp có công việc quan trọng, khẩn cấp cần giải quyết.

Các nội dung giám sát có chuyên đề:

- Giám sát việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.
- Giám sát xử lý nợ phải thu, giám sát chất lượng hàng tồn kho thông qua việc thành lập các tổ công tác nhằm xử lý trực tiếp và kịp thời các vấn đề phát sinh và tồn đọng.
- Giám sát việc thu chi tài chính.
- Giám sát việc thanh lý các dự án đầu tư không hiệu quả.
- Giám sát việc thực hiện Quy chế của Ban điều hành...

Trong năm qua, Ban điều hành thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động trong các các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban điều hành đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

1.5 Nhận xét đánh giá:

Nhìn chung, trong năm 2021, chất lượng hoạt động của HĐQT ngày càng được nâng cao trên cơ sở phát huy tối đa trí tuệ tập thể, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, dân chủ và sự đồng thuận của các thành viên HĐQT.

Trong năm 2021, với tình hình thị trường thuốc bảo vệ thực vật khó khăn, Hội đồng quản trị vẫn tiếp tục đưa ra những định hướng, chiến lược mới trong công tác điều hành kinh doanh để phù hợp với tình hình thị trường. Công ty đã thành lập các chiến lược đi vào chiều sâu, chú trọng tính hiệu quả nhằm hoàn thiện hệ thống kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh bán hàng và tăng cường kiểm tra, kiểm soát cũng luôn được chú trọng thực hiện.



Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2021:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQ - BVTVSG-HDQT	02/02/2021	Xin ý kiến tín dụng tại Ngân hàng, kế hoạch đầu tư năm 2021, bổ nhiệm Trưởng VPDD AG, bổ nhiệm GD Lào, GL, DK.
2	03/NQ - BVTV- HDQT	03/02/2021	Chốt danh sách cổ đông tổ chức đại hội cổ đông thường niên, tạm ứng cổ tức đợt 1/21
3	06/NQ - BVTV- HDQT	08/03/2021	Chuẩn bị Tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2021, trình dự thảo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế về hoạt động của HDQT, Quy chế hoạt động của BKS, miễn nhiệm Q. Trưởng phòng KDĐT, bổ nhiệm Q. Trưởng phòng KDĐT.
4	08/NQ - BVTV- HDQT	02/04/2021	Chuẩn bị tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021
5	11/NQ - BVTV- HDQT	26/04/2021	Nghị Quyết thông qua việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021 MJC
6	14/NQ - BVTV- HDQT	28/05/2021	Đánh giá kế quả SXKD 4 tháng đầu năm, lựa chọn Công ty kiểm toán, bổ nhiệm Q. GD CN Hà Nội.
7	17/NQ - BVTV- HDQT	28/05/2021	Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C BIDV
8	18/NQ - BVTV- HDQT	08/07/2021	Lựa chọn ngân hàng vay mua xe phục vụ sản xuất kinh doanh.
9	20/NQ - BVTV- HDQT	02/08/2021	Vv chọn ngân hàng vay mua máy sắc ký khí phục vụ sản xuất kinh doanh.
10	21/NQ - BVTV- HDQT	27/08/2021	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh
11	23/NQ - BVTV- HDQT	01/09/2021	Báo cáo 7 tháng và điều chỉnh gói thầu xe 2.4T
12	24/NQ - BVTV- HDQT	01/10/2021	Không lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh.
13	25/NQ - BVTV- HDQT	08/10/2021	Bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự
14	26/NQ - BVTV- HDQT	08/10/2021	Bổ nhiệm người Phụ trách quản trị Công ty.
15	28/NQ - BVTV- HDQT	05/11/2021	Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty, chốt danh sách cổ đông chi cổ tức và lấy ý kiến bằng văn bản
16	32/NQ - BVTV- HDQT	19/11/2021	Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại NH NN & PTNT VN - CN HCM
17	33/NQ - BVTV- HDQT	19/11/2021	Thông qua báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh 09 tháng, phương hướng 03 tháng năm 2021, chuyển lợi nhuận kết dư tại SPC Campuchia về Công ty Mẹ
19	34/NQ - BVTV- HDQT	19/11/2021	Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại NH BIDV Gói thầu 04 xe tại 2,4 tấn



2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

2.1 Kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2022:

Chỉ tiêu (theo báo cáo hợp nhất)	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	1.111.476.213.033	1.236.800.000.000	111%
Lợi nhuận trước thuế	34.991.138.443	36.000.000.000	103%
Lợi nhuận sau thuế	23.980.929.637	28.320.000.000	118%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	17%	17%	

2.2 Giải pháp thực hiện:

- Tập trung trong công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới nhằm thay thế sản phẩm bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV theo qui định của nhà nước, đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh sản phẩm nông nghiệp đô thị, phân bón lá dạng nước, phân hữu cơ vi sinh, các sản phẩm y tế dùng trong gia dụng...
- Tiếp tục củng cố bộ sản phẩm chiến lược, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường nhằm tạo sự khác biệt, nâng cao năng lực cạnh tranh, khai thác các thị trường tiềm năng còn bỏ ngỏ, .
- Đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất nhằm tạo động lực tăng năng suất sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường, đồng thời giúp kiểm soát chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.
- Tập trung chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác quản lý sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của nhân viên, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, kiểm soát.
- Tiếp tục phối hợp với Ban điều hành tăng cường công tác phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia và Myanmar để giải quyết bài toán tăng trưởng.
- Tập trung tìm kiếm, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách đào tạo phù hợp cùng với việc phân công, bố trí công việc hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của đơn vị. Trẻ hoá cán bộ lãnh đạo và quản lý. Tập hợp các cán bộ lớn tuổi, có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm tạo thành một đội ngũ chuyên gia để hỗ trợ cho cán bộ lãnh đạo trẻ.



Năm 2022 được dự báo sẽ tiếp tục những khó khăn, thách thức với tình hình dịch bệnh Covid 19 và chiến sự hiện nay trên thế giới làm cho giá đầu vào biến động liên tục, gây nhiều khó khăn cho hoạt động SXKD của đơn vị trong thời gian tới. Nhưng với quyết tâm, đoàn kết và sự đồng thuận của các thành viên HĐQT, HĐQT tin tưởng rằng Công ty cổ phần bảo vệ thực vật Sài Gòn sẽ tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trong năm 2022.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1.1 ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG:



Năm 2021 đã qua, có thể thấy là 1 năm đầy thách thức đối với nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng. Ảnh hưởng nghiêm trọng, kéo dài của tình hình dịch bệnh Covid 19, hạn chế giao thương và các chỉ thị cách ly xã hội đã làm trì trệ hoạt động sản xuất kinh doanh không chỉ trong nước mà còn cả các hoạt động xuất – nhập khẩu.

Bên cạnh đó, tình hình thị trường gặp nhiều thách thức, đặc biệt là giá nhập các nguyên liệu đều tăng cao, tình hình tài chính của một số khách hàng bị ảnh hưởng do dịch bệnh và sự cạnh tranh khó lường của các đối thủ cạnh tranh cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty hiện nay và trong thời gian tới.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã kiên trì xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường bằng chất lượng sản phẩm và chữ tín trong hoạt động kinh doanh, đáp ứng tối đa

những yêu cầu của khách hàng và thị trường đang từng ngày không ngừng thay đổi. Nhờ vậy, kết quả kinh doanh Công ty đã được là một thành công đáng ghi nhận với sự nỗ lực cố gắng của tập thể Công ty SPC và sự tin cậy của khách hàng.

1.2 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

Giá trị sản xuất (theo giá CD 94):

Thực hiện 651,5 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch năm và đạt 92% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hợp nhất:

Thực hiện 1.111,5 tỷ, đạt 90% so với kế hoạch và đạt 97% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế:

Thực hiện 34,99 tỷ, đạt 82%% so với kế hoạch và đạt 71% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Thu nhập người lao động:

Đạt 99% kế hoạch và đạt 85% so với cùng kỳ năm trước.



Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2020	Năm 2021			
				Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	2021/2020
1	Giá trị sản xuất (giá CD 94)	1.000 đ	708.691.164	723.596.179	651.549.203	90%	92%
2	Sản lượng	Tấn	6.606	13.700	6.602	48%	100%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	1.000 đ	1.138.125.698	1.233.500.000	1.111.476.213	90,1%	97,6%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	48.912.707	42.600.000	34.991.138	82,14%	71,5%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	37.000.577	33.880.000	23.980.929	70,78%	64,81%
6	Tỷ suất LNST/Vốn góp CSH	%	35,13%	32,17%	22,77%	70,78%	64,81%
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	48.048.905	40.000.000	38.995.184	97,5%	81,15%
8	Tổng quỹ lương	1.000 đ	71,136,955	62,230,329	62,230,329	100%	87,47 %
9	Lao động bình quân	người	490	490	490	100%	97,8%
10	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	13.400.000	11.671.000	11.508.000	99%	85,8%

(Nguồn số liệu: căn cứ BCTC năm 2021 đã được kiểm toán)

1.3 VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ:



Dự án đầu tư tại Lào: Công ty đã triển khai gần như đã hoàn tất việc thanh lý dự án theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố và Tổng Công ty, riêng chỉ còn lại duy nhất dự án KM21 Công ty dự kiến giữ lại làm trụ sở Văn phòng giao dịch và kho bãi để kinh doanh thuốc BVTV. Do đó Công ty đã gửi văn bản đề nghị xin giữ lại dự án KM21 cho Ủy ban nhân dân thành phố, Sở kế hoạch và đầu tư và Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn. Vừa qua Sở kế hoạch đầu tư TP HCM đã có công văn trả lời số 3146/SKHĐT-DNKTTT&TN về phương án xử lý đối với Trung Tâm thương mại KM21 (Lào) ngày 05/04/2021 như sau: *"...không qui định các dự án tại nước ngoài của Công ty cổ phần có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước phải xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu"*, SPC đang chờ sự chỉ đạo từ Tổng Công ty.

Dự án đầu tư xây dựng, mua sắm MMTB: đơn vị đã hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống cấp nước PCCC & cụm PCCC bồn chứa xylen tại XNHP; Đầu tư máy sắc ký khí; Máy vi tính đồ họa; Xây dựng nhà vệ sinh của chi nhánh Gia Lai.

1.4 VỀ LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU – PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI:

Tập trung đẩy mạnh công tác đăng ký sản phẩm mới và đăng ký bổ sung nhằm thay thế các sản phẩm cũ, các sản phẩm có hoạt chất bị cấm sản xuất nhằm bổ sung danh mục sản phẩm thay thế chất lượng tốt hơn, không ảnh hưởng đến môi trường.

Trong 2021 đã được Cục BVTV cấp phép vào danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam cho 04 sản phẩm mới, trong đó có 3 sản phẩm là kết quả nghiên cứu phối chế của nhà máy được Cục công nhận là nhà sản xuất; nộp hồ sơ đăng ký mới 04 sản phẩm, đang trong giai đoạn khảo nghiệm; được Cục quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế cấp giấy phép lưu hành 01 chế phẩm diệt côn trùng, 01 chế phẩm sát khuẩn trong gia dụng. Đang thực hiện khảo nghiệm đăng ký 2 sản phẩm phân bón lá sinh học do SPC tự sản xuất. Công tác đăng ký ở nước ngoài: 11 sản phẩm tại Cambodia và 03 sản phẩm tại Myanmar. Nhận nhượng quyền phân phối nhiều sản phẩm chất lượng cao nguồn gốc Châu Âu, tự sản xuất phân bón lá NPK hữu cơ sinh học có chất điều hòa sinh trưởng.

Mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm các sản phẩm mới để nhằm phát triển thêm bộ sản phẩm của Công ty. Đồng thời phát triển sản phẩm mới dựa trên các sản phẩm hiện tại để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

1.5 VỀ VẬN HÀNH NỘI BỘ:

Thành lập các tổ chiến lược để thực hiện cụ thể hóa các định hướng, kế hoạch đề ra của Công ty nhằm đạt được mục tiêu chung của Công ty.



Sắp xếp thay đổi nhân sự và bổ nhiệm các chức danh Giám Đốc, P.Giám Đốc CN Hà Nội; Giám đốc SPC Lào, Giám Đốc CN Daklak, Giám Đốc CN Gia Lai, Quyền Trưởng Phòng KDĐT, Quyền Trưởng phòng XNK và điều động cán bộ các phòng ban đơn vị trực thuộc.

Công nghệ thông tin được đẩy mạnh ứng dụng để cắt giảm chi phí hoạt động như tăng cường họp qua zoom, làm việc từ xa, quản lý công tác bán hàng qua phần mềm DMS nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của nhân viên.

Quan tâm và thực hiện tốt công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho các đồng chí đảng ủy viên, cấp ủy các chi bộ trực thuộc, cán bộ quản lý và CBCNV; Thực hiện công tác đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ kế toán, kinh doanh, quảng bá,

bồi dưỡng kiến thức ISO, kiến thức về thuốc BVTV, an toàn trong sản xuất bảo quản thuốc BVTV, an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ... cho cán bộ quản lý, CBCNV phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc; 09 Cán bộ quản lý đang tham gia lớp chương trình sau Đại học, 02 cán bộ quản lý học Trung cấp chính trị.

Trong suốt thời gian giãn cách xã hội phòng chống dịch bệnh, Công ty đã thực hiện phương án sản xuất 3 tại chỗ đảm bảo hoạt động của Công ty xuyên suốt không bị đứt đoạn. Việc làm, lương và phúc lợi của người lao động được bảo toàn trong thời gian giãn cách. Công ty đã xây dựng các phương án giải pháp ứng phó với Covid-19 như quy trình xử lý khi bùng phát dịch, cung cấp các thiết bị bảo hộ, công cụ khử khuẩn cho văn phòng, xưởng sản xuất, chi nhánh và đẩy nhanh tốc độ tiêm ngừa Covid cho CB CNV đảm bảo 100% CB CNV được tiêm ngừa đủ 3 mũi.



Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, nộp BHXH, BHYT.

1.6 VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH



Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nợ, xây dựng hạn mức tín dụng cho từng khách hàng, xiết chặt việc bán hàng cho khách hàng thông qua công cụ hạn mức tín dụng, công nợ quá hạn, ký hợp đồng mua bán đã có hiệu quả trong công tác quản lý công nợ khách hàng, hạn chế được rủi ro tài chính.

Ngoài ra, Công ty đã sử dụng hiệu quả “Đòn bẩy tài chính” trong kinh doanh để tạo sự ổn định trong dòng tiền đồng thời kích thích việc bán hàng.

Tăng cường giám sát việc áp dụng định mức tồn kho cho từng chi nhánh, khu vực, từng ngành hàng nhằm kiểm soát, tăng vòng quay hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của đơn vị.



Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế cho ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định pháp luật.

1.7 VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2021, Công ty đã tập trung đẩy mạnh công tác quảng bá các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm thay thế các sản phẩm đã bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV.



Thường xuyên đánh giá hệ thống phân phối hiện tại, tạo quan hệ gắn bó với hệ thống phân phối qua các chương trình khuyến mãi, hậu mãi, tổ chức gặp gỡ chăm sóc khách hàng, hội thảo như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, phân nhóm khách hàng theo mức: khách hàng thân thiết, khách hàng thẻ đồng, thẻ bạc, thẻ vàng, khách hàng vip, mỗi nhóm sẽ được gắn với quyền lợi tương ứng; Và tập trung tăng cường phát triển hệ thống phân phối tại thị trường Campuchia, Lào, Myanmar.

Công nghệ thông tin cũng được áp dụng trong việc chăm sóc khách hàng như phần mềm tự động nhắn tin cho khách hàng khi mua hàng, thanh toán, chi trả CKKM và chúc mừng sinh nhật khách hàng nhằm nâng cao chăm sóc đảm bảo quyền lợi khách hàng.

Công tác quảng bá Công ty đã đi theo hướng mô hình liên kết (các cánh đồng gạo hữu cơ, tiêu hữu cơ, nhân hữu cơ, xoài hữu cơ).

Tập trung quảng bá đưa ra đồng ruộng các sản phẩm ít độc hại, thân thiện môi trường.

Gắn công tác quảng bá với nông dân, lấy nông dân làm nòng cốt để hoạt động và nhân rộng các kinh nghiệm hay truyền tải kiến thức cho nông dân cụ thể Công ty đã tổ chức cuộc thi “Bạn thử làm bác sĩ cây trồng” với sự tham gia gần 600 nông dân.



QUAY SỐ MÁY MẮN 2021

Thành phố Hồ Chí Minh



2. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

2.1 MỘT SỐ DỰ BÁO THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

Thuận lợi



- Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, công tác quản lý tài chính, marketing phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh cả ngắn và trong dài hạn.
- Các sản phẩm của Công ty đa dạng, chất lượng cao, giá cả hợp lý, cạnh tranh tiếp tục giữ được uy tín đối với nông dân, người tiêu dùng trực tiếp do chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo và mang lại hiệu quả cao cho người tiêu dùng.
- Các khách hàng truyền thống của Công ty vẫn tiếp tục gắn bó với Công ty, chia sẻ khó khăn và kinh nghiệm thị trường, hệ thống phân phối luôn được giữ vững và phát triển. Đến nay hệ thống phân phối trong nước đạt gần 700 đại lý các cấp, chi nhánh kinh doanh cho phép sản phẩm thuốc của SPC có mặt ở mọi miền đất nước.
- SPC nhận được tín nhiệm của các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp đầu vào.
- Luôn nhận được sự quan tâm, chi đạo kịp thời của lãnh đạo Tổng Công ty cũng như sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành có liên quan (Chi cục BVTV, Trạm khuyến nông, Hiệp hội BVTV)

Khó khăn:

- Dự báo năm 2022, với tình hình dịch bệnh Covid 19 vẫn còn tiếp diễn đồng thời dự báo nhiệm vụ ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long diễn ra hết sức nặng nề, khốc liệt sẽ làm cho nhu cầu thị trường thuốc BVTV giảm mạnh, do đó chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.
- Bên cạnh đó, do một số sản phẩm chủ lực đã bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV nên áp lực về doanh số rất lớn trong thời gian tới vì các sản phẩm thay thế chưa thể bù đắp kịp trong thời gian ngắn.
- Thị trường kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tiếp tục cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, diện tích đất nông nghiệp trong những năm gần đây có xu hướng giảm. Song song đó là việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sẽ trở nên thận trọng hơn khi mà các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế ngày càng nghiêm ngặt.



2.2 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2022

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

	Chỉ tiêu	Dvt	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
1	Giá trị sản xuất (giá CD 94)	1.000 đ	651.549.203	708,691,164
2	Sản lượng	Tấn	6.602	6,606
3	Tổng doanh thu hợp nhất	1.000 đ	1.111.476.213	1.236.800.000
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	34.991.138	36.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	23.980.929	28.320.000
6	Tỷ suất LNST/Vốn góp CSH	%	22,77%	26,89%
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	38.995.184	40.000.000
8	Tổng quỹ lương	1.000 đ	62.230.379	62.230.379
9	Lao động bình quân	người	490	490
10	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	11.508.000	11.508.000



Các giải pháp chính để Công ty đạt được kế hoạch đề ra

- Phân tích, so sánh, đánh giá và đo lường sức khỏe tài chính, thương hiệu hằng tháng.
- Đẩy nhanh việc nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học và đăng ký mới do SPC là nhà sản xuất nhằm thay thế các sản phẩm đã cấm.
- Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nhà sản xuất hàng đầu nước ngoài để nhận ủy quyền đăng ký và phân phối độc quyền tại Việt Nam và các quốc gia trong khu vực theo định hướng hữu cơ, sinh học, vi sinh và thiên nhiên.
- Tiếp tục thực hiện 19 chiến lược của Công ty trong đó tập trung chính chiến lược 5 P:
 - + *Dàn trải doanh số nhằm hạn chế rủi ro công nợ;*
 - + *Dàn trải hệ thống phân phối theo phân cấp 5 nhóm khách hàng: VIP- VÀNG- BẠC ĐỒNG và THÂN THIẾT;*
 - + *Đa dạng hóa ngành hàng và cây trồng, phân chia cụ thể theo tỷ lệ phần trăm cho từng ngành hàng;*
 - + *Đa dạng hóa sản phẩm: tập trung cho sản phẩm thế mạnh và bổ sung cho sản phẩm còn thiếu như thuốc trừ cỏ, tuyến trùng và chuột;*
 - + *Nâng cao hoạt động Bác sĩ cây trồng đến từng nông dân theo cây trồng và diện tích trên tất cả vùng miền toàn quốc và nước ngoài.*
- Tiếp tục phấn đấu nhận bằng khen của các Bộ trong đó của Bộ Công an về chương trình hành động “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, giữ vững liên tục 5 năm nhằm nhận cờ thi đua của Chủ tịch Nước và của Chính Phủ từ Bộ Công An đề nghị.
- Tiếp tục giữ vững thương hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 18 năm liên tục.
- Tiếp tục giữ vững sản phẩm được công nhận THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA lần thứ hai và bổ sung 4 sản phẩm sẽ đăng ký THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA năm 2022.
- Chủ động đăng ký giải được công nhận là CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA năm 2022.
- Tham gia các Hiệp hội và là Thành viên Ban thường vụ hoặc Hội đồng Chủ tịch như:
 - + *Hiệp hội sản xuất – kinh doanh thuốc BVTN Việt Nam;*
 - + *Hiệp hội phân bón Việt Nam;*
 - + *Hội hóa học Việt Nam;*
 - + *Hội khoa học cỏ dại Việt Nam;*
 - + *Hội khoa học côn trùng Việt Nam.*
- Từng bước chuyển mô hình quản lý Công ty có nhiều chi nhánh thành các văn phòng đại diện, thực hiện mô hình quản lý tập trung: về công tác nhân sự, công tác sản xuất kinh doanh, quảng bá, tổ chức lại kho vận và giao nhận theo hướng tập trung và chuyên môn.
- Cải tiến chính sách bán hàng nhằm tạo sự thu hút khách hàng và hạn chế bán phá giá.
- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua tiết kiệm chi phí và hoàn thành kế hoạch SXKD.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021 :

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021.
- Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Giám sát tình hình sử dụng lao động và việc chấp hành các chế độ liên quan đến người lao động theo luật định.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban, chuyên đề, chiến lược và nêu các ý kiến, đề xuất giải pháp cho HĐQT, BGD nhằm kiểm soát và quản trị rủi ro một cách hiệu quả nhất.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC.
- Hàng tháng kiểm tra, theo dõi các số liệu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, qua đó phân tích đánh giá các chỉ tiêu tài chính và kiến nghị các biện pháp nhằm mục tiêu giảm thiểu tối đa tổn thất cho đơn vị.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng qui định của pháp luật, xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Xem xét mức phí và đánh giá năng lực các đơn vị kiểm toán độc lập. Tư vấn HĐQT trong việc chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. Vào thời điểm giữa năm và cuối năm, BKS phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ và các Công ty con nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của các số liệu.



- Mức thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2021 :

- ✓ Trưởng Ban kiểm soát : Hưởng lương chuyên trách
- ✓ Thành viên Ban kiểm soát : 3 triệu đồng/tháng.

2. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021:

2.1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2021 : DVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện	3/1	3/2
		1	2	3	4	5
1	Tổng tài sản	640.467		598.205	93%	
2	Công nợ phải thu KH	161.026		121.527	75%	
3	Hàng tồn kho	336.625		352.629	105%	
4	Nợ phải trả	402.984		361.577	90%	
5	Vốn chủ sở hữu	237.482		236.628	100%	
6	Hệ số Nợ/Vốn CSH (lần)	1,70		1,53	90%	
7	Doanh thu (hợp nhất)	1.138.126	1.233.500	1.111.476	98%	90%
8	Lợi nhuận trước thuế	48.913	42.600	34.991	72%	82%
9	Lợi nhuận sau thuế	37.000	33.880	23.981	65%	71%
10	Tỷ suất LNST/Doanh thu	3,25%		2,16%	66%	

(Nguồn số liệu: căn cứ BCTC năm 2021 đã được kiểm toán)

Ghi chú: Doanh thu và lợi nhuận 2021 đã bao gồm số liệu của Công ty cổ phần Mộc Hóa



2.2. Đánh giá kết quả thực hiện

- **Tổng tài sản** của Công ty đến 31/12/2021 đạt 598 tỷ đồng, giảm 5% (tương đương 42 tỷ đồng) so với thời điểm đầu năm 2021, trong đó chủ yếu:
 - + *Tiền và các khoản tương đương tiền*: giảm 16 tỷ đồng.
 - + *Dầu tư tài chính ngắn hạn*: giảm 5 tỷ đồng.
 - + *Các khoản phải thu ngắn hạn*: giảm 40 tỷ đồng.
 - + *Hàng tồn kho*: tăng 16 tỷ đồng.
 - + *Tài sản ngắn hạn khác*: tăng 11 tỷ đồng.
 - + *Tài sản dài hạn*: giảm 7 tỷ đồng.
 Các khoản khác biến động không đáng kể.
- **Công nợ phải thu khách hàng** đến 31/12/2021: 121 tỷ đồng, giảm 25% (tương đương 39 tỷ đồng) so với cùng thời điểm năm 2020. Nguyên nhân là do Công ty tiếp tục siết chặt hạn mức tín dụng đến từng khách hàng, đẩy mạnh việc bán hàng thu tiền mặt, sử dụng linh hoạt các chính sách bán hàng thu tiền trước nhận hàng sau cũng như ban hành các chính sách chiết khấu thanh toán, thu tiền đúng thời điểm. Chính vì vậy, công nợ phải thu khách hàng đến thời điểm cuối năm giảm đáng kể.
- **Hàng tồn kho** đến 31/12/2021: 352 tỷ đồng, tăng 5% (tương đương 16 tỷ đồng) so với thời điểm cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do giá đầu vào của một số nguyên liệu, vật tư, bao bì tăng cao làm cho giá trị hàng tồn kho tăng so với năm trước.
- **Nợ phải trả** đến 31/12/2021: 361 tỷ đồng, giảm 10% (tương đương 41 tỷ đồng) so với thời điểm cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân là do Công ty có nguồn vốn lưu động từ việc thu tiền bán hàng, từ đó sử dụng nguồn tiền này để thanh toán cho các nhà cung cấp được đầy đủ và kịp thời làm cho công nợ phải trả giảm đáng kể.
- **Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu** đến 31/12/2021: 1,5 lần so với mức 1,7 lần năm 2020, giảm đáng kể và nằm trong tầm kiểm soát, an toàn cho hoạt động của đơn vị.
- **Doanh thu năm 2021**: 1.111 tỷ đồng đạt 90% kế hoạch năm và đạt 98% so với thực hiện năm 2020. Nguyên nhân chính không đạt được 100% kế hoạch doanh thu là do một số sản phẩm có chứa hoạt chất thuốc BVTV của Công ty bị loại ra khỏi danh mục kinh doanh như: Sairifos, Diaphos hoặc bị hạn chế đăng ký hàm lượng như sản phẩm Secsaigon, nên doanh số bị giảm đáng kể. Bên cạnh đó, trong năm 2021 tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nên sức tiêu thụ thuốc BVTV của người dân giảm rõ rệt.
- **Lợi nhuận trước thuế năm 2021**: 34,9 tỷ đồng đạt 82% kế hoạch năm và đạt 72% so với thực hiện năm 2020. Nguyên nhân chính là do doanh thu chỉ đạt được 90% so với kế hoạch đề ra; giá đầu vào của nguyên liệu, vật tư, bao bì tăng cao do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 đã làm cho biên lợi nhuận giảm vì giá bán không thể tăng kịp. Song song đó thì trong thời gian giãn cách xã hội, công ty phải chi trả các khoản chi phí phát sinh ngoài kế hoạch để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh nên cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận.
- **Tỷ suất LNST/Doanh thu năm 2021**: 2,16%, đạt 66% so với thực hiện của năm 2020.

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2021 :

Về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty đã thực hiện với các kết quả như sau :

- Trong năm 2021 HĐQT và Ban điều hành công ty đã nỗ lực phấn đấu, khắc phục những khó khăn để định hướng và điều hành đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, doanh thu đạt 90% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 82% kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 đã đề ra.
- Công ty đã sử dụng và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi theo đúng tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 đã ban hành.
- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với tỷ lệ 17%/mệnh giá (1.700 đồng/cổ phiếu).
- Đã chi trả thù lao đầy đủ cho HĐQT và BKS cũng như khen thưởng HĐQT, BKS, BDH theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.
- Công ty đã thông qua các tiêu chí về đơn vị kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo đúng Nghị quyết.
- Công ty đã thực hiện chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng Nghị quyết đã ban hành.



4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐQT NĂM 2021



Trong năm 2021, để đạt được những kết quả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra thì HĐQT đã tiến hành họp định kỳ, đột xuất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và đã ban hành 18 Nghị quyết với nhiều nội dung cụ thể nhằm định hướng, chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vấn đề cấp bách, các NQ này được BDH triển khai thực hiện triệt để nhằm đảm bảo hoạt động SXKD luôn được thông suốt, mang lại hiệu quả cao nhất cho đơn vị:

- Thông qua kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính niên vụ 2021-2022 của Công ty.
- Ban hành Nghị quyết thông qua việc bổ nhiệm một số nhân sự chủ chốt đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động của đơn vị.
- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý của đơn vị, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, chỉ đạo giải quyết những tồn tại.
- Xem xét phản hồi và thông qua một số Tờ Trình của Công ty MJC.
- Ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch đầu tư, sửa chữa lớn năm 2021 phù hợp tình hình tài chính và đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Ban hành Nghị quyết thông qua hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng năm 2021.

5. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG

- BKS chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của công ty. Hoạt động của công ty là tuân thủ theo pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của công ty và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- HĐQT và Ban điều hành đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung, có đầy đủ các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát tham gia, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các thành viên đều được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, và phù hợp với Điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã ban hành kịp thời các Quy định, các Quy chế và các văn bản mới để áp dụng vào thực tiễn theo quy định của Tổng công ty và phù hợp với luật doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.
- Trong năm 2021 Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn như: nhiều hoạt chất bị loại ra khỏi danh mục kinh doanh theo quy định của nhà nước, tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, tình hình xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông cửu long và hạn hán ở miền Trung. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã khắc phục khó khăn, kịp thời đưa ra nhiều chiến lược định hướng, tìm kiếm các sản phẩm thay thế, ban hành các chính sách bán hàng phù hợp, phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, tiết kiệm chi phí nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.



6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BGD :

- Trong năm qua, giữa BKS với HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.
- HĐQT tiếp tục giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.
- Trong năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.



7. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- **Công nợ phải thu khách hàng** của Công ty đến cuối năm 2021 giảm nhiều so với cùng thời điểm năm 2020. Ban kiểm soát đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường công tác theo dõi và thu hồi nợ được kịp thời, hạn chế tối đa phát sinh mới nợ quá hạn dẫn đến nợ xấu. Đối với các công nợ khó đòi, công nợ khởi kiện thì đề nghị Công ty tiếp tục theo dõi chặt chẽ, cập nhật tình hình tài chính, tài sản của khách hàng cũng như tiến độ, kết quả giải quyết của các cơ quan tòa án, thi hành án đối với các công nợ khách hàng có liên quan đến Công ty, để từ đó có biện pháp thu hồi công nợ khó đòi này, nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất cho đơn vị.
- **Hàng tồn kho** cuối năm 2021 có tăng so với cùng thời điểm năm 2020 nhưng không đáng kể. Đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác quản lý hàng tồn kho của đơn vị, hạn chế tối đa việc tồn kho lâu ngày các nguyên vật liệu, vật tư sản xuất, cần đẩy mạnh công tác luân chuyển hàng hóa thành phẩm. Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát và có biện pháp xử lý các nguyên liệu, vật tư ứ đọng lâu ngày nhằm kéo giảm giá trị hàng tồn kho và quay vòng hàng tồn kho được nhanh hơn.
- **Công nợ phải trả** của Công ty cuối năm 2021 giảm nhiều so với cùng thời điểm năm 2020. Đề nghị Công ty tiếp tục kiểm soát công nợ phải trả luôn ở mức an toàn. Bên cạnh đó, việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, ngân hàng phải luôn được quan tâm đề cao nhằm đảm bảo uy tín cho đơn vị.
- Cần tăng cường hơn nữa công tác quản trị rủi ro, chú trọng đến việc đảm bảo an toàn tài chính cho đơn vị, phân tích đánh giá tình hình tài chính của khách hàng.
- Tiếp tục đầu tư nghiên cứu, đăng ký các sản phẩm mới để bổ sung và danh mục sản phẩm của Công ty nhằm thay thế các sản phẩm bị loại ra khỏi danh mục theo quy định của Cục BVTV.
- Đề nghị xem xét lại tính hiệu quả TTTM Km21 của SPC.Lào nhằm giảm thiểu rủi ro và tổn thất cho đơn vị.



8. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022:

- Ban kiểm soát thay mặt cho cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ công ty.
- Kiểm soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm soát tình hình kinh doanh của Công ty, xem xét tiến độ hoạt động của các dự án, tình hình sử dụng nguồn vốn công ty, tình hình quản lý công nợ, hàng hóa tồn kho.
- Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các Quy chế, Quy trình khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, quản lý vật tư hàng hóa, công nợ, chi phí và đầu tư của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với HĐQT và Ban giám đốc.
- Kiểm tra công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ tại các Phòng/Ban Công ty.
- Phối hợp cùng kiểm toán nội bộ để thực hiện các công việc kiểm tra, kiểm soát tại văn phòng công ty và các chi nhánh nhằm nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra.
- Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan.
- Thông qua chương trình kiểm toán và trực tiếp tham gia quyết toán Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cùng đơn vị kiểm toán độc lập.
- Thực hiện nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.





*Đồng chí: Lê Thanh Liêm - Phó chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh
và các đồng chí Lãnh đạo Sở Ban ngành, Lãnh đạo Tổng Công ty NNSG
thăm gian hàng Sản phẩm Nông nghiệp đô thị Công ty Cổ phần BTVT Sài Gòn (SPC)
Hoạt động bên lề Đại hội đại biểu Đảng Bộ Tổng Công ty NNSG - Nhiệm kỳ 2020-2025*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 48
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 48

08
NH
3TY
KIẾ
AA
-TP

M.S.C.N

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên
Ông Đặng Thanh Cương	Thành viên
Ông Phạm Thiết Hòa	Thành viên
Ông Huỳnh Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc
Ông Điều Quang Trung	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty

Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng
----------------------	----------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Vũ	Trưởng ban
Bà Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2022



Số: 082322-002 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được lập ngày 04 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2013-002-1

Lê Kim Yến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2022
T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiểu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		541.519.168.220	576.101.888.219
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	42.589.760.887	59.296.398.314
111	1. Tiền		19.589.760.887	41.296.398.314
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.000.000.000	18.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	5.093.254.795
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.093.254.795
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		128.854.116.098	169.454.126.556
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	121.526.804.577	161.025.749.888
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	6.876.128.331	6.226.624.686
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	15.131.631.471	19.778.009.714
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.680.448.281)	(17.576.257.732)
140	IV. Hàng tồn kho	8	352.629.706.626	336.625.231.092
141	1. Hàng tồn kho		355.021.397.381	345.330.302.326
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.391.690.755)	(8.705.071.234)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.445.584.609	5.632.877.462
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.121.191.060	1.013.181.709
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		16.197.483.866	4.501.324.169
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	126.909.683	118.371.584
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		56.686.309.843	64.365.068.870
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		889.267.500	5.955.203.500
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	889.267.500	5.955.203.500
220	II. Tài sản cố định		39.084.298.041	38.881.745.005
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	30.770.810.428	29.290.022.540
222	- Nguyên giá		149.233.170.578	143.901.809.931
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(118.462.360.150)	(114.611.787.391)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	3.182.191.244	4.284.713.720
225	- Nguyên giá		6.008.312.210	6.008.312.210
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.826.120.966)	(1.723.598.490)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	5.131.296.369	5.307.008.745
228	- Nguyên giá		9.261.423.802	9.261.423.802
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.130.127.433)	(3.954.415.057)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	969.681.912	1.397.659.877
231	- Nguyên giá		3.340.056.122	3.915.170.319
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.370.374.210)	(2.517.510.442)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		891.566.417	2.332.020.962
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	891.566.417	2.332.020.962
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.851.495.973	15.798.439.526
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	14.851.495.973	15.798.439.526
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		598.205.478.063	640.466.957.089

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		361.577.245.981	402.984.479.751
310	I. Nợ ngắn hạn		349.159.444.250	390.214.516.456
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	141.203.238.488	199.235.988.994
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.651.831.694	299.175.201
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.153.616.962	4.421.477.915
314	4. Phải trả người lao động		10.692.582.558	20.286.306.186
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	126.795.955	4.193.400.408
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	12.319.810.379	15.488.318.800
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	176.962.877.174	146.226.918.155
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		48.691.040	62.930.797
330	II. Nợ dài hạn		12.417.801.731	12.769.963.295
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	2.458.554.000	2.618.554.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	7.186.735.212	7.052.781.616
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.772.512.519	3.098.627.679
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		236.628.232.082	237.482.477.338
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	236.628.232.082	237.482.477.338
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		105.300.000.000	105.300.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		105.300.000.000	105.300.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		782.715.818	782.715.818
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		16.021.691.106	11.028.838.721
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		57.628.796.060	49.965.802.735
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.178.583.556	59.814.620.546
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		22.999.208.618	23.402.680.576
421b	LNST chưa phân phối năm nay		23.179.374.938	36.411.939.970
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10.716.445.542	10.590.499.518
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		598.205.478.063	640.466.957.089

Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.127.632.522.545	1.162.603.084.278
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	16.156.309.512	24.477.386.168
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.111.476.213.033	1.138.125.698.110
11	4. Giá vốn hàng bán	25	885.103.367.096	884.749.745.043
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		226.372.845.937	253.375.953.067
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	5.228.517.783	4.659.002.265
22	7. Chi phí tài chính	27	48.882.553.085	36.928.714.802
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.040.909.118	8.203.391.223
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	28	125.479.925.610	147.388.202.477
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	25.287.897.227	28.142.793.292
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.950.987.798	45.575.244.761
31	12. Thu nhập khác	30	4.603.316.888	5.809.239.277
32	13. Chi phí khác	31	1.563.166.243	2.471.776.393
40	14. Lợi nhuận khác		3.040.150.645	3.337.462.884
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.991.138.443	48.912.707.645
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	11.336.323.966	13.570.308.773
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(326.115.160)	(1.658.178.214)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23.980.929.637	37.000.577.086
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		23.179.374.938	36.411.939.970
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		801.554.699	588.637.116
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	2.201	3.458

Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		34.991.138.443	48.912.707.645
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.888.158.974	8.714.169.708
03	- Các khoản dự phòng		(9.209.189.930)	(9.775.349.150)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.562.207.715	634.814.732
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.067.424.484)	(1.198.187.893)
06	- Chi phí lãi vay		8.040.909.118	8.203.391.223
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		48.205.799.836	55.491.546.265
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		36.868.838.935	(12.020.816.508)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.691.095.055)	7.513.323.224
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(79.586.390.977)	7.499.870.339
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		838.934.202	2.215.911.228
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.152.434.328)	(8.110.172.108)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.556.696.410)	(16.706.445.080)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.677.233.082)	(14.183.971.146)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(29.750.276.879)	21.699.246.214
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.437.914.766)	(5.944.634.363)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		246.409.089	320.704.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		-	(5.093.254.795)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị		5.093.254.795	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		809.234.573	889.688.878
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(289.016.309)	(9.827.495.735)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		588.812.704.279	457.640.054.382
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(557.027.190.260)	(439.984.592.579)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(915.601.404)	(653.596.416)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.243.962.358)	(16.638.489.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		13.625.950.257	363.376.037
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(16.413.342.931)	12.235.126.516

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		59.296.398.314	46.167.925.580
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(293.294.496)	893.346.218
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	42.589.760.887	59.296.398.314

Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 105.300.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 105.300.000.000 VND; tương đương 10.530.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 484 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 477 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Mua bán hóa chất (trừ hòa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	Cộng Hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100%	100%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Cambodia	Vương Quốc Campuchia	100%	100%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	Tỉnh Long An	62%	61,74%	Kinh doanh bách hóa, xăng dầu, thuốc bảo vệ thực vật

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Agribank, Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Vietinbank (22.661 VND/USD);
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Agribank, Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Vietinbank (22.946 VND/USD).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau khi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	05 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Phương pháp kế toán đối với BCC phân chia lợi nhuận sau thuế: Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí bảo hiểm ngắn hạn bao gồm các bảo hiểm con người và bảo hiểm xe, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ dưới 12 tháng.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ dưới 12 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí dịch vụ mua phần mềm, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí khuyến mãi, chi phí lãi vay... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Có tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành đối với thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 tại các đơn vị như sau:

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa: thuế suất 20%;
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào: thuế suất 24%;
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia: thuế suất 1% trên doanh thu tính thuế.

2.27. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh mà chỉ lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	808.866.754	7.090.565.396
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.285.918.033	34.205.832.918
Tiền đang chuyển	2.494.976.100	-
Các khoản tương đương tiền (*)	23.000.000.000	18.000.000.000
	42.589.760.887	59.296.398.314

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 23.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3%/năm đến 3,2%/năm.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Đại lý Võ Hoàng Dũng	1.497.580.000	-	8.566.922.895	-
Đại lý Sear Kim Sru	105.333.095	-	6.081.792.693	-
Đại lý Sear Kim Sru	9.038.700.754	-	6.527.463.297	-
Đại lý Lim Kuon Heng	3.834.120.469	-	-	-
Đại lý Thành Y	3.410.474.792	-	2.747.732.454	-
Cửa hàng Vật tư Công nghiệp Nông nghiệp Đào Công An	3.901.838.859	-	3.956.147.569	-
Đào Ngọc Long (*)	1.625.068.200	-	1.625.068.200	-
Các đối tượng khác	98.113.688.408	(13.817.019.834)	131.520.622.780	(13.268.202.083)
	121.526.804.577	(13.817.019.834)	161.025.749.888	(13.268.202.083)
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	13.123.000	-	27.543.085	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)

(*) Đây là khoản công nợ phải thu phát sinh tại Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa. Đến thời điểm 31/12/2021, Mộc Hóa đang nắm giữ quyền sử dụng đất bao gồm 35.340 m² đất (gồm 80 m² đất ở tại nông thôn và 35.260 m² đất chuyên trồng lúa nước) giao cho ông Nguyễn Văn Bé Hai là Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản phân công người quản lý tài sản của Công ty ngày 01/04/2015 và ngày 11/12/2017. Đây là toàn bộ diện tích đất được Đại lý Đào Ngọc Long chuyển nhượng để nghị cần trả nợ.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*)	3.726.202.000	-	3.726.202.000	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ PCCC Quality Biz Chem India PVT Ltd	979.407.000	-	-	-
Các đối tượng khác	2.170.519.331	(580.160.000)	1.580.422.686	(580.160.000)
	6.876.128.331	(580.160.000)	6.226.624.686	(580.160.000)

(*) Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa trả trước tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng các khu đất nông nghiệp cho cá nhân để thực hiện đầu tư dự án khu liên hiệp nông nghiệp. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được Công ty nắm giữ và Công ty đang hoàn tất các thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất sang tên.

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	37.424.658	-	25.643.836	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	417.075.320	-	-	-
Tạm ứng	860.049.432	-	1.058.522.931	-
Ký cược, ký quỹ	404.566.730	-	169.002.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	747.369.328	-	-	-
Nguyễn Văn Giúp	-	-	3.485.588.985	(3.485.588.985)
Thuế GTGT được hoàn	-	-	9.052.017.762	-
Chiết khấu sản lượng KoLon	6.408.530.800	-	-	-
Phải thu hợp tác kinh doanh (*)	2.123.514.980	-	2.084.130.385	-
Phải thu khác	4.133.100.223	(283.268.447)	3.903.103.815	(242.306.664)
	15.131.631.471	(283.268.447)	19.778.009.714	(3.727.895.649)

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	889.267.500	-	5.955.203.500	-
	889.267.500	-	5.955.203.500	-

(*) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa, bao gồm:

- Khoản góp vốn liên doanh vào Hộ kinh doanh Shopping Centre Kiến Tường theo Hợp đồng Liên doanh số 02.2013/HDLĐ ngày 19/08/2013 và Phụ lục Hợp đồng liên doanh số 01/PLHD.2014 ký ngày 01/12/2014, Phụ lục Hợp đồng liên doanh số 01/PLHD.2020 ký ngày 01/01/2020 với số tiền góp vốn còn lại là 1.140.283.782 đồng. Mục đích kinh doanh bách hóa, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.
- Khoản góp vốn liên doanh vào Cơ sở sản xuất Nước Việt theo Hợp đồng liên doanh số 2.2015/HDLĐ ký ngày 15/10/2015, Phụ lục hợp đồng số 01.2016/PLHD ngày 01/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 02.2020/PLHD ngày 01/01/2020 với số tiền góp vốn còn lại là 983.231.199 đồng. Mục đích kinh doanh sản xuất nước đá, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh.

7 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Nguyễn Văn	-	-	3.485.588.985	-
- Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.389.393.558	-	3.389.393.558	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Long Huy	3.275.568.294	-	3.275.568.294	-
- Các khoản khác	11.799.875.993	3.784.389.564	11.293.286.064	3.867.579.169
	18.464.837.845	3.784.389.564	21.443.836.901	3.867.579.169

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.700.743.314	-	12.282.917.984	-
Nguyên liệu, vật liệu	149.442.977.490	-	112.425.825.971	-
Công cụ, dụng cụ	374.668.990	-	296.259.350	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	-	-	135.764.500	-
Thành phẩm	146.493.393.031	(2.087.482.634)	172.502.486.780	(8.154.470.885)
Hàng hoá	54.009.614.556	(304.208.121)	47.687.047.741	(550.600.349)
	355.021.397.381	(2.391.690.755)	345.330.302.326	(8.705.071.234)

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 2.184.228.205 VND.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: hàng tồn kho mất phẩm chất chủ yếu là hàng cận hạn, quá hạn sử dụng, hàng hư hỏng (bể chai, bao bì bị đục xi...). Các hàng tồn kho lá hóa chất sẽ được Công ty thuê ngoài để xử lý đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên môi trường về xử lý chất thải nguy hại, riêng đối với các công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu khác sẽ được Công ty tận dụng hoặc bán thanh lý;

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 299.680.918.423 VND.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	675.309.235	765.763.780
- Công trình phục vụ nông nghiệp dự án 7,3 ha Khu phố 10, Phường 12, Thị xã Kiến Tường	205.056.900	205.056.900
- Các dự án khác	470.252.335	560.706.880
Mua sắm tài sản cố định	34.439.000	1.384.439.000
- Máy móc thiết bị	34.439.000	1.384.439.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	181.818.182	181.818.182
	891.566.417	2.332.020.962

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	66.452.236.009	43.849.471.002	1.061.590.909	29.802.927.902	4.413.236.286	2.524.985.322	1.272.189.696	143.901.809.931	5.474.827.195	2.403.542.116	(2.295.269.632)	(251.739.032)
- Mua trong năm	-	-	-	4.413.236.286	-	-	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	82.154.546	2.321.387.570	-	(1.061.116.904)	-	(101.760.000)	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.098.756.364)	-	(246.985.357)	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	-	(4.753.675)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	66.534.390.555	46.128.939.442	66.534.390.555	32.908.061.927	2.423.225.322	1.238.553.332	149.233.170.578	114.611.787.391	6.370.713.072	(2.295.269.632)	(224.870.681)	118.462.360.150
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	48.343.656.703	36.357.431.918	2.199.994.058	26.189.818.162	1.235.287.522	2.450.857.594	1.270.023.014	114.611.787.391	2.166.682	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	2.892.551.002	-	1.235.287.522	-	40.713.808	2.166.682	6.370.713.072	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.098.756.364)	-	(1.061.116.904)	-	(101.760.000)	-	-	-	-	-	-
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	-	(4.270.559)	-	(220.600.122)	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	50.543.650.761	38.146.955.997	50.543.650.761	26.143.388.658	2.389.811.402	1.238.553.332	118.462.360.150	29.290.022.540	30.770.810.428	-	-	-
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	18.108.579.306	7.492.039.084	18.108.579.306	3.613.109.740	74.127.728	2.166.682	29.290.022.540	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	15.990.739.794	7.981.983.445	15.990.739.794	6.764.673.269	33.413.920	-	30.770.810.428	-	-	-	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 13.956.593.519 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 96.628.578.151 VND.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	6.008.312.210	6.008.312.210
Số dư cuối năm	6.008.312.210	6.008.312.210
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.723.598.490	1.723.598.490
- Khấu hao trong năm	1.102.522.476	1.102.522.476
Số dư cuối năm	2.826.120.966	2.826.120.966
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	4.284.713.720	4.284.713.720
Tại ngày cuối năm	3.182.191.244	3.182.191.244

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, Bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	7.999.969.934	533.175.000	728.278.868	9.261.423.802
Số dư cuối năm	7.999.969.934	533.175.000	728.278.868	9.261.423.802
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.830.044.518	533.175.000	591.195.539	3.954.415.057
- Khấu hao trong năm	140.712.372	-	35.000.004	175.712.376
Số dư cuối năm	2.970.756.890	533.175.000	626.195.543	4.130.127.433
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	5.169.925.416	-	137.083.329	5.307.008.745
Tại ngày cuối năm	5.029.213.044	-	102.083.325	5.131.296.369

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.173.173.710 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.086.453.868 VND.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là Nhà cửa, vật kiến trúc cho thuê tại Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 lần lượt là 3.340.056.122 VND và 2.370.374.210 VND. Chi phí khấu hao đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2021 là 239.211.050 VND. Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC đối với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế lần lượt là (575.114.197) VND và (386.347.282) VND.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	512.659.856	371.803.958
Chi phí sửa chữa TSCĐ	127.057.651	-
Chi phí bảo hiểm	138.507.958	256.716.445
Chi phí thuê kho	271.863.636	246.863.636
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	71.101.959	137.797.670
	1.121.191.060	1.013.181.709
b) Dài hạn		
Chi phí cải tạo đất thuê	315.525.543	398.305.309
Công cụ dụng cụ xuất dùng	93.940.291	193.260.617
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	811.957.264	1.173.527.515
Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	13.475.975.087	13.940.663.879
Chi phí trả trước dài hạn khác	154.097.788	92.682.206
	14.851.495.973	15.798.439.526

(*) Khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m² thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐTD.05 ngày 27/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2005.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Eastchem Co., Ltd	14.988.671.390	14.988.671.390	52.015.518.295	52.015.518.295
Kolon Global Corporation	15.428.890.400	15.428.890.400	20.537.949.600	20.537.949.600
UPL Management DMCC	13.767.600.000	13.767.600.000	-	-
UPL Co., Ltd	-	-	19.537.257.950	19.537.257.950
Jiangsu Sinamyang	17.040.461.407	17.040.461.407	3.135.191.290	3.135.191.290
Lier Chemical Co., Ltd	-	-	14.645.116.500	14.645.116.500
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Nam Lone Phát	10.273.777.615	10.273.777.615	9.245.156.214	9.245.156.214
Phải trả các đối tượng khác	69.703.837.676	69.703.837.676	80.119.799.145	80.119.799.145
	141.203.238.488	141.203.238.488	199.235.988.994	199.235.988.994
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	137.681.823	137.681.823

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

16 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Chênh lệch do chuyển đổi BCTC		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	5.287.680	376.976.869	21.748.545.298	22.005.351.030	(734.426)	-	114.149.031	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	2.073.600	-	1.652.225.164	1.650.151.564	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.215.697.444	11.382.258.339	10.556.696.410	(6.664.270)	-	3.034.595.103	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	106.817.304	327.606.770	2.628.981.793	2.574.576.849	(20.445.291)	-	126.909.683	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	4.193.000	-	1.470.325.225	714.818.089	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	1.501.196.832	1.895.323.900	1.485.737.142	(38.883.700)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	27.000.000	27.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	118.371.584	4.421.477.915	40.804.659.719	39.014.331.084	(66.727.687)	-	126.909.683	-	-	-	-	6.153.616.962	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	110.049.950	314.794.275
Trích trước chương trình phải trả khách hàng	-	3.871.891.562
Chi phí phải trả khác	16.746.005	6.714.571
	126.795.955	4.193.400.408

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 - PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	107.089.706	133.410.580
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	20.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.347.206.292	1.262.510.650
Phải trả về chương trình bán hàng	4.023.804.131	8.165.782.544
Phải trả lãi kỳ quỹ	139.234.218	113.496.340
Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển	26.099.177	87.036.254
Phải trả chiết khấu thanh toán	454.073.276	233.293.169
Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	421.322.278	333.462.145
Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	2.510.274.778	3.108.505.936
Phải trả về hợp tác kinh doanh	1.342.009.096	1.049.777.507
Các khoản phải trả, phải nộp khác	928.697.427	1.001.043.675
	12.319.810.379	15.488.318.800
b) Dài hạn		
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	2.458.554.000	2.618.554.000
	2.458.554.000	2.618.554.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)</i>	1.342.009.096	1.049.777.507

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
 Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	143.761.956.751	143.761.956.751	585.046.004.279	555.063.385.260	173.744.575.770	173.744.575.770
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC ⁽¹⁾	17.075.371.871	17.075.371.871	58.839.973.079	64.697.958.210	11.217.386.740	11.217.386.740
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	26.663.881.442	26.663.881.442	83.125.730.951	69.705.287.857	40.084.324.536	40.084.324.536
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh ⁽³⁾	68.213.255.615	68.213.255.615	183.249.305.448	151.268.563.993	100.193.997.070	100.193.997.070
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ⁽⁴⁾	22.736.316.423	22.736.316.423	213.456.021.959	223.539.874.743	12.652.463.639	12.652.463.639
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ⁽⁵⁾	-	-	20.533.730.654	14.386.651.319	6.147.079.335	6.147.079.335
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁶⁾	3.063.720.000	3.063.720.000	20.304.045.453	21.349.591.253	2.018.174.200	2.018.174.200
- Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁷⁾	5.939.411.400	5.939.411.400	5.537.196.735	10.115.457.885	1.361.150.250	1.361.150.250
- Vay cá nhân ⁽⁸⁾	70.000.000	70.000.000	-	-	70.000.000	70.000.000

28

 Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
 Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.464.961.404	2.464.961.404	3.218.301.404	2.464.961.404	3.218.301.404	3.218.301.404
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁹⁾	1.549.360.000	1.549.360.000	1.549.360.000	1.549.360.000	1.549.360.000	1.549.360.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽¹⁰⁾	-	-	387.940.000	-	387.940.000	387.940.000
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam ⁽¹¹⁾	-	-	365.400.000	-	365.400.000	365.400.000
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽¹²⁾	915.601.404	915.601.404	915.601.404	915.601.404	915.601.404	915.601.404
	146.226.918.155	146.226.918.155	588.264.305.683	557.528.346.664	176.962.877.174	176.962.877.174
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	6.409.620.000	6.409.620.000	3.766.700.000	1.963.805.000	8.212.515.000	8.212.515.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁹⁾	6.409.620.000	6.409.620.000	-	1.893.700.000	4.515.920.000	4.515.920.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽¹⁰⁾	-	-	1.939.700.000	39.655.000	1.900.045.000	1.900.045.000
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam ⁽¹¹⁾	-	-	1.827.000.000	30.450.000	1.796.550.000	1.796.550.000

29

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		31/12/2021	
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND
Nợ thuế tài chính dài hạn	3.108.123.020	3.108.123.020	-	915.601.404
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽¹⁷⁾	3.108.123.020	3.108.123.020	-	915.601.404
	9.517.743.020	9.517.743.020	3.766.700.000	2.879.406.404
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.464.961.404)	(2.464.961.404)	(3.218.301.404)	(2.464.961.404)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7.052.781.616	7.052.781.616	7.186.735.212	7.186.735.212
c) Các khoản vay đối với các bên liên quan				
- Ông Nguyễn Quốc Dũng				

30

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Thỏa thuận chung về tiện ích bán sửa đổi số VNM 157804 ngày 07 tháng 01 năm 2020 với các điều khoản chi tiết như sau:
- Tổng hạn mức tiện ích: 7.000.000 USD và 1.350.000.000 VND; Trong đó khoản vay tài trợ nhập khẩu/mua trong nước: 1.500.000 USD hoặc VND hoặc ngoại tệ khác tương đương;
 - Mục đích vay: Tài trợ tiện ích nhập khẩu và thẻ tín dụng HSBC;
 - Thời hạn vay: Theo từng khoản vay;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng khoản vay;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp hàng tồn kho tại từng thời điểm theo hợp đồng VNM 091059/MS sửa đổi lần thứ 6 ngày 07/01/2020 và cầm cố tiền gửi theo hợp đồng cầm cố số VNM 110716/DUL;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là: 11.217.386.740 VND.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-202000764 ngày 18/11/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 73.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và các mặt hàng kinh doanh khác đã đăng ký theo quy định của pháp luật;
 - Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng số 1700-LCL-201500653 ngày 25/09/2015 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 40.084.324.536 VND.
- (3) Hợp đồng cho vay hạn mức số 093/2021-HDCVHM/NHCT92 ngày 02/06/2021 với các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp quyền tài sản theo Hợp đồng số 172/2015-HDTC/NHCT902-SPC ngày 30/09/2015; quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 025/2014/HDTC-KHDN ngày 07/05/2014; quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 101/2013-HDTC-KHDN; thẻ chấp hàng tồn kho theo Hợp đồng số 256/2019/HBBD/NHCT902 ngày 11/02/2020;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 100.193.997.070 VND.
- (4) Hợp đồng cho vay hạn mức số 2199.0007/2021-HDCVHM/NHCT700-MJC ngày 05/03/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phân phối hàng tiêu dùng, xăng dầu, vật tư nông nghiệp;
 - Thời hạn cho vay: Từ ngày 05/03/2021 đến hết ngày 05/03/2022;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng Giấy nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 12.652.463.639 VND;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 862262, số vào sổ cấp giấy: T 000013 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 21/05/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 21/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 12/05/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.01/2018/HBBD/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.01.BBDGL ngày 03/06/2019;

31

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 862263, sổ vào sổ cấp giấy: T 000010 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 21/05/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 22/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 12/05/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.02/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.02.BBĐGL ngày 03/06/2019;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 862395, sổ vào sổ cấp giấy: T 00007QSDĐ/1201-LA do UBND tỉnh Long An cấp ngày 01/02/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà kho số 19/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 12/05/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.03/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065297, sổ vào sổ cấp giấy: T 00001 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2005 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 05/CN-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Long An cấp ngày 25/01/2005 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.04/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.04.BBĐGL ngày 03/06/2019;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 111029, sổ vào sổ cấp giấy: CT 04146 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 22/02/2011 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất số 1867.053/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018 và Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 1867.05.BBĐGL ngày 03/06/2019;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004023 do Công An tỉnh Long An cấp ngày 24/07/2009, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2400/DK do Sở GTVT tỉnh Long An cấp ngày 25/03/2010, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2401/DK do Sở GTVT tỉnh Long An cấp ngày 28/05/2010 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 1867.06/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 07/08/2018.
- (5) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV/0007/KHDN/21LD ngày 05/05/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng bách hóa tổng hợp, vật tư nông nghiệp của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định;
 - Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng Giấy nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 6.147.079.335 VND;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 - Quyền sử dụng đất và công trình cửa hàng kinh doanh bia và khách sạn theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U862262 do Ủy ban tỉnh Long An cấp ngày 21/05/2002 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0017/NHNT-CRC/TC21 ngày 05/05/2021 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có);
 - Tất cả các quyền và lợi ích của khách hàng phát sinh từ các Hợp đồng kinh doanh thương mại/quyền đòi nợ từ các đối tác/hợp đồng phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0026/NHNT-CRC/TC21 ngày 05/05/2021 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có).

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- (6) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1255/2021/5778006/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2021 với các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C;
 - Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản - biện pháp bảo đảm bảo - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.018.174.200 VND.
- (7) Hợp đồng tín dụng số HĐTD.010/SCB.HCM/2019 ngày 02/08/2019 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 4.000.000 USD;
 - Mục đích vay: Cung cấp tài chính cho việc mua hoặc nhập khẩu hàng hóa cần thiết cho hoạt động kinh doanh thông thường, bảo lãnh mở L/C;
 - Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - Hình thức bảo đảm: Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp hàng tồn kho với giá trị ít nhất bằng 2.000.000 USD và hợp đồng các khoản phải thu với giá trị ít nhất bằng 2.000.000 USD;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.361.150.250 VND.
- (8) Khoản vay các cá nhân có lãi suất 8,0%/năm, hình thức bảo đảm: tín chấp.
- Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**
- (9) Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-201701181 (kèm Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 ngày 06/12/2018 gia hạn thời gian giải ngân vốn cho vay đến hết ngày 28/02/2019) với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 11.700.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Xây dựng nhà kho thành phẩm 36m x 78m tại lô C1-C3, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng số 1700-LCL-201701010 ngày 28/08/2017;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.515.920.000 VND, nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới: 1.549.360.000 VND.
- (10.1) Hợp đồng tín dụng số 1575/2021/5778006/HĐTD ngày 25/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền vay: 793.100.000 VND
 - Mục đích vay: Đầu tư máy sắc ký khí Model 8890 GC System do Agilent Technologies Mỹ sản xuất;
 - Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 7,3%/năm từ ngày 24/08/2021 đến 31/08/2022. Từ ngày 01/09/2022 theo lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 753.445.000 VND, nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới: 158.620.000 VND.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- (10.2) Hợp đồng tín dụng số 2287/2021/5778006/HDTD ngày 20/12/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền vay: 1.146.600.000 VND
 - Mục đích vay: Đầu tư 04 xe tải thùng (Thùng kín) nhãn hiệu Kia Frontier K250;
 - Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 7,5%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến 31/12/2022. Từ ngày 01/01/2023 theo lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.146.600.000 VND, nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới: 229.320.000 VND.
- (11.01) Hợp đồng tín dụng số 792400015539/HDTD ngày 28/10/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền vay: 504.000.000 VND
 - Mục đích vay: Mua xe ô tô;
 - Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 7,5%/năm;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 495.600.000 VND, nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới: 100.800.000 VND.
- (11.02) Hợp đồng tín dụng số 792400015546/HDTD ngày 28/10/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền vay: 1.323.000.000 VND
 - Mục đích vay: Mua xe ô tô;
 - Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
 - Lãi suất cho vay: 7,5%/năm;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.300.950.000 VND, nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới: 264.600.000 VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuế tài chính:

- (12) Số dư cuối năm bao gồm các hợp đồng chi tiết sau:
- (12.1) Hợp đồng cho thuê tài chính số 2018-00012-000 ngày 23/02/2018 với các điều khoản chi tiết như sau:
- Bên cho thuê: Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam;
 - Tài sản thuê: Xe Ford Ranger 4x2 XLS MT;
 - Tổng giá trị hợp đồng: 3.322.350.000 VND;
 - Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo lịch trả nợ;
 - Số dư nợ thuế tài chính tại thời điểm cuối kỳ: 583.062.444 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới: 466.449.996 VND.
- (12.2) Hợp đồng cho thuê tài chính số 2020-00095-000 ngày 21/07/2020 với các điều khoản chi tiết như sau:
- Bên cho thuê: Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam;
 - Tài sản thuê: Xe Ford Everest Ambiente 2.0L MT; Xe Ford Ranger 4x2 XLS MT; 2 xe Ford Ranger 4x4 XL MT;
 - Tổng giá trị hợp đồng: 3.208.210.000 VND;
 - Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo lịch trả nợ;
 - Số dư nợ thuế tài chính tại thời điểm cuối kỳ: 1.609.459.172 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới: 449.151.408 VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng	
	VND	VND						VND	VND
Số dư đầu năm trước	105.300.000.000	782.715.818	10.383.254.126	42.166.551.904	61.139.381.188	10.654.472.534	230.426.375.570		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	36.411.939.970	588.637.116	37.000.577.086		
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(17.901.000.000)	(610.940.000)	(18.511.940.000)		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.799.250.831	(7.888.991.285)	89.740.454	-		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.757.580.699)	(131.410.586)	(7.888.991.285)		
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(590.900.000)	-	(590.900.000)		
Truy thu thuế tại một công ty con	-	-	-	-	(2.103.609.797)	-	(2.103.609.797)		
Thuế cổ tức từ nước ngoài	-	-	-	-	(1.494.618.831)	-	(1.494.618.831)		
Chênh lệch tỷ giá đo chuyển đổi BCTC	-	-	645.584.595	-	-	-	645.584.595		
Số dư cuối năm trước	105.300.000.000	782.715.818	11.028.838.721	49.965.802.735	59.814.620.546	10.590.499.518	237.482.477.338		

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	105.300.000.000	782.715.818	11.028.838.721	49.965.802.735	59.814.620.546	10.590.499.518	237.482.477.338							
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	23.179.374.938	801.554.699	23.980.929.637							
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(17.901.000.000)	(427.658.000)	(18.328.658.000)							
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.662.993.325	(7.662.993.325)	-	-							
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(7.608.296.627)	(54.696.698)	(7.662.993.325)							
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(338.496.724)	(42.703.276)	(381.200.000)							
Truy thu thuế (*)	-	-	-	-	(1.278.631.079)	(150.550.701)	(1.429.181.780)							
Thuế cổ tức từ nước ngoài	-	-	-	-	(2.025.994.173)	(2.025.994.173)	(2.025.994.173)							
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	4.992.852.385	-	-	-	4.992.852.385							
Số dư cuối năm nay	105.300.000.000	782.715.818	16.021.691.106	57.628.796.060	46.178.583.556	10.716.445.542	236.628.232.082							

(*) Quyết định thanh tra số 1327/QĐ-CT ngày 26/10/2020 và Biên bản thanh tra ngày 09/03/2021 giữa Cục thuế tỉnh Kiên Giang và Chi nhánh Kiên Giang trực thuộc Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn và Quyết định thanh tra thuế từ năm 2014 -2017 số 2016/QĐ-XPVPHC ngày 03/12/2021 của Cục thuế tỉnh Long An và Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc ...

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-DHĐCD ngày 22/05/2020 tại Công ty mẹ, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Công ty mẹ		
Kết quả kinh doanh sau thuế		37.732.249.612
Thù lao HĐQT và BKS không kiểm nhiệm		132.000.000
Lợi nhuận để phân phối	100,00	37.600.249.612
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00	7.520.049.922
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20,00	7.520.049.922
Chi trả cổ tức (17% vốn điều lệ)	47,61	17.901.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	12,39	4.659.149.768

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 23/NQ-DHĐCD ngày 28 tháng 04 năm 2021 tại Công ty Con, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Công ty con		
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	1.429.434.031
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00	142.943.403
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00	142.943.403
Chi trả cổ tức	78,19	1.117.634.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,81	25.913.225

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - Công ty TNHH MTV	59,33%	62.470.000.000	59,33%	62.470.000.000
Các cổ đông khác	40,67%	42.830.000.000	40,67%	42.830.000.000
	100%	105.300.000.000	100%	105.300.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000
- Vốn góp cuối năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận tại Công ty mẹ		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.262.510.650	934.396.650
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.901.000.000	17.901.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(16.816.304.358)	(17.572.886.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	2.347.206.292	1.262.510.650

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

d) Cổ phiếu	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	57.628.796.060	49.965.802.735
	57.628.796.060	49.965.802.735

21. CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	11.028.838.721	10.383.254.126
Số tăng trong năm	4.992.852.385	645.584.595
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	4.992.852.385	645.584.595
Số dư cuối năm	16.021.691.106	11.028.838.721
	16.021.691.106	11.028.838.721

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài
Công ty hiện đang cho thuê nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.015.581.818	922.363.636
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	278.727.273
	1.015.581.818	1.201.090.909

b) Tài sản thuê ngoài
Công ty thuê tài sản là văn phòng, nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.454.363.636	1.529.063.636
- Trên 1 năm đến 5 năm	1.085.727.273	1.524.363.636
	3.540.090.909	3.053.427.272

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty có ký Hợp đồng thuê đất tại các địa điểm sau:

- Hợp đồng thuê đất tại phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho hàng và trạm xử lý chất thải. Diện tích khu đất thuê là 16.754 m². Đối với diện tích 15.496 m² không thuộc phạm vi lô giới, thời hạn thuê kể từ ngày 25/07/2000 đến ngày 01/01/2046; đối với diện tích 1.258 m² thuộc phạm vi lô giới, thời hạn thuê kể từ ngày 25/07/2000 cho đến khi Nhà nước thực hiện mở rộng đường theo quy hoạch. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại thành phố Pleiku để sử dụng với mục đích xây dựng Trung tâm điều hành siêu thị nông nghiệp với thời hạn 50 năm kể từ ngày 24/11/2015. Diện tích khu đất thuê là 10.690 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một hoặc hai lần mỗi năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại thành phố Cần Thơ để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng phân phối nông được với thời hạn thuê kể từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 01/10/2045. Diện tích khu đất thuê là 3.640,5 m². Theo hợp đồng này, Công ty trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất Hiệp Phước với diện tích 42.123 m² thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2005. Tiền thuê đất trả trước một lần vào thời điểm thuê.
- Hợp đồng thuê kho số 91/HĐTMB - MJC ngày 01/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa (bên thuê) và Bà Huỳnh Thị Anh (bên cho thuê) và phụ lục hợp đồng thuê kho số 234/PLHDTK - MJC ngày 29/08/2019. Theo đó bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê kho để làm kho chứa các sản phẩm thuộc Bảo vệ thực vật và làm văn phòng, địa chỉ: Quốc lộ 62, khu phố 6, phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Thời hạn cho thuê từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2021. Tổng diện tích là 172 m². Đơn giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Thanh toán 2 đợt: đợt 1 vào ngày 01/01 hàng năm; đợt 2 vào ngày 01/07 hàng năm.
- Hợp đồng thuê kho bãi số 190426 ngày 26/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa (bên thuê) và Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (bên cho thuê). Theo đó, bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê kho để chứa các sản phẩm, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật và làm nhà xưởng để sản xuất, địa chỉ: Lô C1-C3 Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP.HCM. Thời hạn cho thuê 05 năm từ ngày 01/05/2019 đến hết ngày 10/10/2022. Giá thuê kho là 80.000.000 đồng/năm.
- Hợp đồng thuê mặt bằng số 02.2019/HĐ.THUE-MB ngày 01/09/2019 và Phụ lục Hợp đồng thuê mặt bằng số 2314/PLHĐ.THUE-MB ngày 05/05/2021 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (bên thuê) và ông Nguyễn Văn Dũng, bà Nguyễn Thị Linh (bên cho thuê). Theo đó, bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê mặt bằng để đầu tư phục vụ hoạt động kinh doanh ngành hàng xăng, dầu, nhớt các loại tại ấp Bình Đông, xã Bình Hòa Trung, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An (mặt bằng gần sát mặt nước trên sông Kênh Cà Dừa). Tổng diện tích thuê là 3.215 m². Thời hạn cho thuê 05 năm, từ ngày 01/09/2019 đến hết ngày 30/04/2026. Giá thuê mặt bằng từ ngày 01/05/2021 đến 30/04/2023 là 600.000 đồng/tháng, từ ngày 01/05/2023 đến 30/04/2026 là 700.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê mặt bằng số 04.2019/HĐ.THUE-MB ngày 13/05/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (bên thuê) và ông Nguyễn Ngọc Hòn (bên cho thuê). Theo đó, bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê mặt bằng để đầu tư phục vụ hoạt động kinh doanh ngành hàng xăng, dầu, nhớt các loại tại thửa đất số 1276 - tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Thời hạn cho thuê 05 năm, từ ngày 13/05/2019 đến hết ngày 12/05/2024. Giá cho thuê mặt bằng là 5.000.000 đồng/năm.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Hợp đồng thuê văn phòng số 121/HĐ.THUE-MJC ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (bên thuê) và ông Phùng Văn Phúc (bên cho thuê). Theo đó, bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê văn phòng để dành cho nhân viên và giao dịch với khách hàng tại địa chỉ số TA4, khu phố 3, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Tổng diện tích thuê là 100 m². Thời hạn cho thuê 01 năm, từ ngày 20/01/2021 đến hết ngày 19/01/2022. Giá thuê cố định là 48.000.000 đồng/năm, tương đương 4.000.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê nhà và bãi đậu xe số 120/HĐ.THUE-MJC ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (bên thuê) và ông Phùng Văn Lăng (bên cho thuê). Theo đó, bên cho thuê đồng ý cho bên thuê thuê nhà làm việc, đất ở để mở địa điểm kinh doanh xăng dầu, bãi đậu xe, bến thủy trung chuyển xăng dầu tại địa chỉ khu phố 3, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Tổng diện tích đất thuê và nhà ở là 2.944,04 m². Thời hạn cho thuê 01 năm, từ ngày 20/01/2021 đến hết ngày 19/01/2022. Giá thuê cố định là 96.000.000 đồng/năm.

c) Ngoại tệ các loại	31/12/2021		01/01/2021	
Đồng đô la Mỹ (USD)	109.044,02		430.431,50	
d) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND		
Công ty TNHH Giồng cây trồng Hải Anh - Phú Thọ	5.336.218.777	5.336.218.777		
Đại lý Phạm Thu Hà	4.587.884.688	4.587.884.688		
Ông Nguyễn Văn Giúp	3.485.588.985	-		
Cửa hàng Phương Đông	2.316.145.180	2.316.145.180		
Các đối tượng khác	2.006.831.852	2.006.831.852		
	17.732.669.482	14.247.080.497		

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng không thể thi hành do các đối tượng này không còn tài sản để thu hồi.

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2021		Năm 2020	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.125.526.148.917	1.160.784.999.733		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.106.373.628	1.818.084.545		
	1.127.632.522.545	1.162.603.084.278		
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	136.660.342	287.636.740		

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm 2021		Năm 2020	
	VND	VND	VND	VND
Chiết khấu thương mại	11.428.415.555	15.732.939.356		
Hàng bán bị trả lại	3.087.969.764	5.683.797.873		
Giảm giá hàng bán	1.639.924.193	3.060.648.939		
	16.156.309.512	24.477.386.168		

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2021		Năm 2020	
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	889.951.199.746	881.687.167.023		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.442.516.337	1.478.874.169		
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(6.313.380.479)	1.563.278.316		
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	23.031.492	20.425.535		
	885.103.367.096	884.749.745.043		

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2021		Năm 2020	
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	821.015.395	886.839.842		
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	89.865.787	148.176.665		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.989.785.958	3.188.761.284		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	293.294.496	435.076.093		
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.556.147	148.381		
	5.228.517.783	4.659.002.265		

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2021		Năm 2020	
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	8.040.909.118	8.203.391.223		
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	29.375.187.109	22.320.152.283		
Lãi nhận ký quỹ, ký cược	106.479.280	123.468.945		
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.462.644.721	5.211.811.526		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	7.855.502.211	1.069.890.825		
Chi phí tài chính khác	41.830.646	-		
	48.882.553.085	36.928.714.802		

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG	Năm 2021		Năm 2020	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.641.039.764	31.790.785.877		
Chi phí nhân công	59.921.615.352	64.525.354.065		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.205.233.497	2.102.511.759		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.152.695.330	19.453.883.238		
Chi phí khác bằng tiền	19.559.341.667	29.515.667.538		
	125.479.925.610	147.388.202.477		

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	582.368.561	1.196.778.551
Chi phí nhân công	12.187.610.898	10.830.941.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	879.142.073	1.001.542.702
Thuế, phí, lệ phí	532.210.060	570.852.114
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng	610.132.590	2.040.899.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.090.442.997	4.485.253.309
Chi phí khác bằng tiền	6.405.990.048	8.016.525.592
	25.287.897.227	28.142.793.292

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	246.409.089	320.704.545
Thu nhập từ chiết khấu thương mại	74.737.459	163.300.620
Thu nhập bán phế liệu	71.749.091	64.597.271
Thu nhập từ bán phụ	1.123.454.545	932.090.909
Thu nhập cho thuê kho	1.907.177.283	2.004.087.403
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	893.504.499	1.053.203.222
Thu nhập khác	286.284.922	1.271.255.307
	4.603.316.888	5.809.239.277

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	9.356.494
Chi phí xử lý, tiêu hủy sản phẩm hư hỏng, kém phẩm chất	588.233.125	2.193.745.747
Các khoản bị phạt	855.106.717	148.589.133
Chi phí khác	119.826.401	120.085.019
	1.563.166.243	2.471.776.393

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	7.094.854.243	9.201.828.340
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con	-	-
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia	3.708.317.699	3.845.260.016
- Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	533.152.024	523.220.417
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.336.323.966	13.570.308.773

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.284.736.942	2.219.782.304
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.284.736.942)	(2.219.782.304)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.057.249.461	5.318.409.983
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(2.284.736.942)	(2.219.782.304)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.772.512.519	3.098.627.679
c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.219.782.304	162.572.811
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.284.736.942)	(1.766.063.819)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(261.160.522)	(54.687.206)
	(326.115.160)	(1.658.178.214)

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	23.179.374.938	36.411.939.970
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.179.374.938	36.411.939.970
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.530.000	10.530.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.201	3.458

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	326.200.324.847	487.770.409.402
Chi phí nhân công	87.962.329.812	88.521.034.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.883.770.994	8.709.781.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.739.564.828	32.264.599.505
Chi phí khác bằng tiền	31.760.763.967	50.896.993.702
	486.546.754.448	668.162.818.513

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.589.760.887	-	59.296.398.314	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	137.547.703.548	(14.100.288.281)	186.758.963.102	(16.996.097.732)
Các khoản cho vay	-	-	5.093.254.795	-
	180.137.464.435	(14.100.288.281)	251.148.616.211	(16.996.097.732)
			Giá trị số kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			184.149.612.386	153.279.699.771
Phải trả người bán, phải trả khác			155.981.602.867	217.342.861.794
Chi phí phải trả			126.795.955	4.193.400.408
			340.258.011.208	374.815.961.973

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.589.760.887	-	-	42.589.760.887
Phải thu khách hàng, phải thu khác	122.558.147.767	889.267.500	-	123.447.415.267
	165.147.908.654	889.267.500	-	166.037.176.154
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.296.398.314	-	-	59.296.398.314
Phải thu khách hàng, phải thu khác	163.807.661.870	5.955.203.500	-	169.762.865.370
Các khoản cho vay	5.093.254.795	-	-	5.093.254.795
	228.197.314.979	5.955.203.500	-	234.152.518.479

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	176.962.877.174	7.186.735.212	-	184.149.612.386
Phải trả người bán, phải trả khác	153.523.048.867	2.458.554.000	-	155.981.602.867
Chi phí phải trả	126.795.955	-	-	126.795.955
	330.612.721.996	9.645.289.212	-	340.258.011.208
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	146.226.918.155	7.052.781.616	-	153.279.699.771
Phải trả người bán, phải trả khác	214.724.307.794	2.618.554.000	-	217.342.861.794
Chi phí phải trả	4.193.400.408	-	-	4.193.400.408
	365.144.626.357	9.671.335.616	-	374.815.961.973

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	588.812.704.279	457.640.054.382
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	557.027.190.260	439.984.592.579
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	915.601.404	653.596.416

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	837.682.728.059	273.793.484.974	1.111.476.213.033
Tài sản bộ phận	528.351.760.581	69.853.717.482	598.205.478.063
Tổng chi phí mua TSCĐ	6.437.914.766	-	6.437.914.766

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Shopping Center Kiến Tường	Bên liên doanh
Cơ sở sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong năm:	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		136.660.342	287.636.740
- Shopping Center Kiến Tường	Bên liên doanh	117.075.655	285.537.776
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh	19.584.687	2.098.964
Số dư tại ngày kết thúc năm:			
	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		13.123.000	27.543.085
- Shopping Center Kiến Tường	Bên liên doanh	-	25.234.225
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh	13.123.000	2.308.860
Phải thu khác		2.123.514.980	2.109.572.502
- Shopping Center Kiến Tường	Bên liên doanh	983.231.198	982.111.721
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh	1.140.283.782	1.127.460.781
Phải trả người bán ngắn hạn		20.600.000	137.681.823
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh	20.600.000	137.681.823
Phải trả khác		1.342.009.096	1.049.777.507
- Shopping Center Kiến Tường	Bên liên doanh	784.434.594	428.868.773
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh	557.574.502	620.908.734

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh


Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		1.801.568.139	1.789.536.793
Bà Lê Thị Phương	Chủ tịch HĐQT	393.380.492	424.375.050
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	489.805.090	479.205.239
Ông Đặng Thanh Cương	Thành viên HĐQT	52.000.000	36.000.000
Ông Phạm Thiết Hòa	Thành viên HĐQT	52.000.000	21.000.000
Ông Huỳnh Đức	Thành viên HĐQT	52.000.000	-
Ông Nguyễn Nhật Thông	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
Ông Điều Quang Trung	Phó Giám đốc	388.174.250	393.814.191
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc	374.208.307	399.142.313

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập


Bùi Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc

(đã ký)

NGUYỄN QUỐC DŨNG



SINCE 1989



SPC *Quý hào*
THƯƠNG HIỆU
QUỐC GIA



17 *Năm* **LIÊN TỤC**
HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

SPC Xanh, Thêm Xanh